# VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT TRONG VIỆC ĐƯA PHÁP LUẬT VÀO CUỘC SỐNG

■ **Luật gia: TRƯƠNG QUANG SÁNG**

Đất đước ta đang có những đổi thay mang tính thời đại, Đảng và Nhà nước đang tích cực triển khai thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức lại địa giới hành chính và vận hành mô hình chính quyền ba cấp bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả để tiến vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Trong tiến trình đó pháp luật không chỉ là công cụ quản lý xã hội mà còn là nền tảng bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ gìn trật tự, kỷ cương và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Tuy nhiên, pháp luật dù hoàn thiện đến đâu cũng khó phát huy hiệu quả nếu không được phổ biến sâu rộng đến Nhân dân. Chính vì vậy, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật (BCV, TTV) giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và Nhân dân nhằm xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong toàn xã hội.

Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là những người trực tiếp truyền tải chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với quần chúng Nhân dân. Họ chính là "cầu nối" giữa pháp luật với cuộc sống, giữa các văn bản pháp lý với nhận thức và hành động của mỗi người dân. Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển, các quan hệ xã hội ngày càng đa dạng, phức tạp thì vai trò của lực lượng này càng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết.

Với vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng đó, quy định về báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đã được luật hóa trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 (Luật) theo đó, báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận để kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Đồng thời, Luật quy định tiêu chuẩn của báo cáo viên pháp luật là người phải có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác; có khả năng truyền đạt; có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật của cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận cấp tỉnh[1]; việc công nhận báo cáo viên pháp luật được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam[2].

Báo cáo viên pháp luật có những quyền và nghĩa vụ sau: được cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến,

giáo dục pháp luật; được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; được hưởng thù lao và chế độ theo quy định của pháp luật. Đồng thời báo cáo viên phải thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công; truyền đạt chính xác nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật; không được tiết lộ bí mật nhà nước và thực hiện các hành vi bị cấm khác; hằng năm, báo cáo về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật do mình thực hiện với cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (Điều 36 Luật).

Đối với tuyên truyền viên pháp luật Luật quy định là những người có uy tín, kiến thức, am hiểu về pháp luật được xem xét để công nhận là tuyên truyền viên pháp luật ở xã, phường, thị trấn hoặc được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật. Tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật được cung cấp văn bản pháp luật; được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; hưởng thù lao, chế độ theo quy định của pháp luật[3].

Như vậy, về tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ, thẩm quyền công nhận báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đã được quy định cụ thể trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện nhiệm vụ của mình trong công tác PBGDPL, thể hiện rõ vai trò quan trọng của đội ngũ này trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống.

Trước hết, BCV, TTV pháp luật có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức pháp luật cho Nhân dân. Thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng nhiều hình thức phong phú như hội nghị, sinh hoạt chuyên đề, tuyên truyền miệng, đối thoại trực tiếp, phát thanh, truyền hình, mạng xã hội…, các báo cáo viên, tuyên truyền viên đã giúp người dân hiểu đúng, hiểu đầy đủ các quy định của pháp luật. Khi nhận thức pháp luật được nâng cao, người dân sẽ biết tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật.

Không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức pháp luật, BCV, TTV pháp luật còn góp phần hình thành ý thức trong cán bộ và Nhân dân "sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật". Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa lâu dài đối với sự phát triển của xã hội. Một xã hội văn minh không chỉ cần hệ thống pháp luật hoàn thiện mà còn cần ý thức tự giác chấp hành pháp luật của mỗi người dân. Qua công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đội ngũ BCV, TTV pháp luật đã từng bước làm thay đổi nhận thức, xây dựng niềm tin của Nhân dân đối với pháp luật và cơ quan Nhà nước. Từ đó, pháp luật không còn là những quy định mang tính bắt buộc đơn thuần mà trở thành chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội.

Bên cạnh đó, BCV, TTV pháp luật còn đóng vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa vi phạm pháp luật và giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở. Thực tế cho thấy, nhiều hành vi vi phạm pháp luật xuất phát từ sự thiếu hiểu biết của người dân. Khi được tuyên truyền, phổ biến kịp thời các quy định liên quan đến đất đai, hôn nhân và gia đình, giao thông, phòng chống ma túy, tội phạm công nghệ cao, phòng chống tham nhũng, bạo lực gia đình…, người dân sẽ có ý thức phòng tránh vi phạm và tích cực tham gia đấu tranh với các hành vi trái pháp luật. Công tác tuyên truyền pháp luật vì vậy có ý nghĩa như một biện pháp "phòng bệnh hơn chữa bệnh", góp phần giảm tải cho các cơ quan bảo vệ pháp luật và xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh. Thông qua hoạt động của đội ngũ BCV, TTV pháp luật góp phần đổi mới công tác phổ biến giáo dục pháp luật và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, trước hết là trong cán bộ, đảng viên và đặc biệt là cán bộ, đảng viên trong ngành Tư pháp.

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang đẩy mạnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng, nhiều chính sách pháp luật mới được ban hành để phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, vai trò của BCV, TTV pháp luật càng thể hiện rõ nét. Họ không chỉ là người truyền đạt pháp luật mà còn phải biết lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền cho phù hợp với từng

nhóm đối tượng, địa bàn. Ở vùng nông thôn, nội dung tuyên truyền cần gắn với đất đai, môi trường, hôn nhân gia đình, xây dựng nông thôn mới... Ở đô thị, cần chú trọng các quy định về giao thông, kinh doanh, chuyển đổi số, an ninh mạng... Đối với thanh thiếu niên, việc tuyên truyền phải linh hoạt, gần gũi, dễ hiểu để nâng cao nhận thức pháp luật ngay từ sớm như: Luật Thanh niên, Luật Trẻ em, Luật Giáo dục, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới, pháp luật về phòng, chống ma túy, pháp luật về an toàn giao thông, bạo lực học đường... Điều đó đòi hỏi đội ngũ BCV, TTV pháp luật không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng truyền đạt và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Đặc biệt, trong thực tiễn ở cơ sở, trong điều kiện xây dựng chính quyền địa phương hai cấp BCV, TTV pháp luật còn là những người gần dân, sát dân, trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những khó khăn, vướng mắc của Nhân dân trong quá trình thực hiện pháp luật. Qua đó, họ phản ánh kịp thời những bất cập của chính sách pháp luật đến các cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Có thể nói, đây chính là "kênh thông tin hai chiều" giúp pháp luật ngày càng đi vào cuộc sống một cách hiệu quả hơn. Ngoài ra, đội ngũ BCV, TTV pháp luật còn góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Khi người dân hiểu đúng các chủ trương, chính sách pháp luật, họ sẽ đồng thuận và tích cực tham gia thực hiện. Ngược lại, nếu công tác tuyên truyền không hiệu quả, thiếu kịp thời sẽ dễ tạo ra khoảng trống thông tin, làm phát sinh tin giả, thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, BCV, TTV pháp luật còn là lực lượng quan trọng trong công tác định hướng dư luận xã hội, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hiện nay vẫn còn một số khó khăn, hạn chế. Ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương, hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được quan tâm đúng mức. Một số nội dung tài liệu tuyên truyền pháp luật chưa thật sự hấp dẫn, thiếu tính thực tiễn. Một bộ phận BCV, TTV pháp luật còn hạn chế về kỹ năng truyền đạt, chưa ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và mạng xã hội trong tuyên truyền pháp luật. Chế độ, chính sách dành cho BCV, TTV ở nhiều nơi còn chưa tương xứng; chưa có chế độ phụ cấp trách nhiệm cho đội ngũ này dẫn đến chưa khuyến khích, thu hút và duy trì đội ngũ BCV, TTV hoạt động tâm huyết và có chất lượng cao.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của BCV, TTV pháp luật trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Trước hết, cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền và ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ này. Đồng thời, cần đổi mới nội dung, phương thức phổ biến giáo dục pháp luật theo hướng dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu để có chiến lược lâu dài nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ BCV, TTV pháp luật. Các cơ quan Nhà nước cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí và có chính sách phụ cấp cho đội ngũ làm công tác PBGDPL nhằm động viên, khuyến khích để đội ngũ BCV, TTV pháp luật tâm huyết hơn với công việc. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các phương tiện truyền thông và mạng xã hội trong công tác tuyên truyền pháp luật nhằm tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội.

Khẳng định rằng: xây dựng pháp luật là quá trình kiến tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển; còn thi hành pháp luật chính là đưa những giá trị của pháp luật đi vào đời sống theo đó đội ngũ BCV, TTV pháp luật là lực lượng nòng cốt trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; là những người góp phần đưa pháp luật từ văn bản đi vào thực tiễn cuộc sống một cách sinh động. Họ không chỉ truyền đạt kiến thức pháp luật mà còn lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật, góp phần xây dựng xã hội kỷ cương, dân chủ, công bằng và văn minh. Do vậy, việc phát huy vai trò của đội ngũ BCV, TTV pháp luật là yêu cầu cấp thiết nhằm góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong toàn xã hội.

---

1. Điều 35 Luật PBGDPL.
2. Điều 24 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.
3. Điều 36 Luật PBGDPL năm 2012.

# NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG

■ **NGỌC DUYÊN**

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp nhiều mối quan hệ xã hội mới phát sinh, thay đổi, do vậy hệ thống pháp luật luôn cần được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Trong đó, hoạt động công chứng giữ vai trò quan trọng bởi đây là cơ chế phòng ngừa tranh chấp, bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại và nhiều quan hệ pháp luật khác trong đời sống xã hội. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường và tiến trình chuyển đổi số quốc gia, hoạt động công chứng ở nước ta đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn mới. Chính vì vậy, Quốc hội đã ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng với nhiều nội dung đổi mới quan trọng, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027.

Có thể thấy rằng, việc sửa đổi Luật Công chứng lần này không chỉ nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động công chứng mà còn thể hiện quyết tâm cải cách tư pháp, hiện đại hóa nền hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp. Những điểm mới của Luật đã tác động mạnh mẽ đến tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, cơ sở dữ liệu công chứng cũng như quyền và nghĩa vụ của người dân khi tham gia giao dịch.

Một trong những điểm mới nổi bật của Luật sửa đổi là làm rõ khái niệm và phạm vi các giao dịch phải công chứng, thẩm quyền bổ nhiệm công chứng, quy định về tổ chức hành nghề công chứng, lộ trình phạm vi công chứng giao dịch về bất động sản, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng... cụ thể như sau:

***Thứ nhất,*** *chuẩn hóa về khái niệm:* Luật số 04/2026/QH16 đã chuẩn hóa lại định nghĩa tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 quy định: 1. Công chứng là dịch vụ công do công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện để chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của giao dịch bằng văn bản (sau đây gọi là giao dịch) phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.

Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công chứng giao dịch theo quy định tại Điều 73 của Luật này.

Như vậy, quy định mới đã nêu cụ thể việc công chứng phải thực hiện bằng văn bản (trước đây chưa đề cập). Đồng thời quy định: Công chứng là dịch vụ công, việc làm rõ thuộc tính "dịch vụ công" (thay vì xem đây là một ngành nghề kinh doanh thương mại thuần túy) là điểm tựa pháp lý quan trọng để Nhà nước áp dụng các cơ chế kiểm soát phí, giá dịch vụ, quy hoạch nghề nghiệp và bảo đảm tính khách

quan, trung thực tối cao của Công chứng viên.

***Thứ hai,*** *quy định bắt buộc giao dịch phải công chứng:* Nếu như trước đây, quy định về giao dịch bắt buộc công chứng còn chưa thật sự cụ thể đó là *được luật quy định hoặc luật giao Chính phủ quy định phải công chứng* thì nay Luật đã xác định rõ đây là những giao dịch quan trọng, đòi hỏi mức độ an toàn pháp lý cao và *được luật quy định phải công chứng*. Quy định mới giúp xác định rõ vai trò của hoạt động công chứng trong việc bảo đảm tính xác thực, hợp pháp của giao dịch dân sự. Đồng thời, Luật giao Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành rà soát, cập nhật và công khai danh mục giao dịch bắt buộc công chứng trên cổng thông tin điện tử. Đây là bước tiến quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch, giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin pháp luật, hạn chế tình trạng áp dụng không thống nhất trong thực tiễn, cụ thể: Điều 3 Luật Công chứng 2024 quy định: Giao dịch phải công chứng: *(1) Giao dịch phải công chứng là giao dịch quan trọng, đòi hỏi mức độ an toàn pháp lý cao và được luật quy định hoặc luật giao Chính phủ quy định phải công chứng. (2) Bộ Tư pháp có trách nhiệm rà soát, cập nhật, đăng tải các giao dịch phải công chứng, chứng thực trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.* Tuy nhiên, Điều 3 Luật Công chứng sửa đổi 2026 quy định: *Giao dịch phải công chứng: (1) Giao dịch phải công chứng là giao dịch quan trọng, đòi hỏi điều kiện tham gia giao dịch chặt chẽ, mức độ an toàn pháp lý cao và được luật quy định phải công chứng. (2) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát, cập nhật, đăng tải danh mục các giao dịch phải công chứng, chứng thực trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.*

Như vậy, các giao dịch phải công chứng sẽ chỉ được quy định trong Luật, không còn được giao cho Chính phủ quy định nữa.

***Thứ ba,*** *thay đổi về thẩm quyền bổ nhiệm công chứng viên:* Luật Công chứng sửa đổi 2026 cũng thay đổi thẩm quyền bổ nhiệm công chứng viên từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phù hợp với chủ trương phân quyền, phân cấp theo đó: công chứng viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật này, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) bổ nhiệm để hành nghề công chứng và thực hiện một số nhiệm vụ chứng thực theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Luật cũng có nhiều sửa đổi liên quan đến công chứng viên. Luật quy định rõ hơn về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên và công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài. Những quy định này góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên, tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước và phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

***Thứ tư,*** *về tổ chức hành nghề công chứng* (sửa đổi, bổ sung Điều 19 của Luật Công chứng), Luật kế thừa quy định: Tổ chức hành nghề công chứng bao gồm Phòng công chứng và Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. UBND cấp tỉnh ban hành Đề án quản lý, phát triển tổ chức hành nghề công chứng, đồng thời làm rõ yêu cầu xây dựng Đề án phải phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Về văn phòng công chứng, Luật điều chỉnh quy định văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Công chứng và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh.

Tại các đơn vị hành chính cấp xã có mật độ dân số thấp, cơ sở hạ tầng, dịch vụ chưa phát triển và khó khăn trong việc thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh thì được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân.

Đơn vị hành chính cấp xã không còn thuộc trường hợp được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thì Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân đã được thành lập trước đó vẫn được tiếp tục hoạt động (khoản 8 Điều 1 Luật).

***Thứ năm,*** *quy định lộ trình thực hiện thẩm quyền công chứng giao dịch về bất động sản trong phạm vi toàn quốc:* Điều 44, Luật sửa

đổi 2026 (Luật) tiếp tục quy định thẩm quyền công chứng giao dịch có đối tượng là bất động sản theo phạm vi tỉnh, thành phố nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở. Tuy nhiên, bổ sung nội dung đáng chú ý là Chính phủ sẽ quy định lộ trình thực hiện thẩm quyền công chứng giao dịch về bất động sản trong phạm vi toàn quốc sau khi cơ sở dữ liệu công chứng quy định tại Điều 66 của Luật được vận hành và các cơ sở dữ liệu có liên quan được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố.

***Thứ sáu,*** *chuyển đổi số trong hoạt động công chứng:* điểm mới mang tính đột phá của Luật sửa đổi lần này chính là đẩy mạnh chuyển đổi số. Theo quy định mới, người dân có thể nộp hồ sơ yêu cầu công chứng trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến tổ chức hành nghề công chứng (khoản 11, Điều 1 Luật). Điều này không chỉ tạo thuận lợi cho người dân mà còn góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại, nhất là đối với người ở xa hoặc trong điều kiện đặc biệt.

Luật cũng đã chấp nhận việc sử dụng bản sao điện tử, bản chính điện tử trong hồ sơ công chứng (điểm a khoản 11, Điều 1 Luật). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xây dựng nền công chứng hiện đại và số hóa hồ sơ công chứng trong tương lai. Đặc biệt, Luật quy định nếu thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu được công bố thì người yêu cầu công chứng không phải cung cấp giấy tờ có chứa thông tin đó mà có thể tự khai thác thông tin đó để cung cấp cho công chứng viên hoặc đề nghị công chứng viên khai thác dữ liệu thì phải nộp phí khai thác (điểm b khoản 11, Điều 1 Luật). Quy định này thể hiện rõ tinh thần cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho người dân và nâng cao hiệu quả phục vụ của cơ quan, tổ chức hành nghề công chứng.

*Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng:* một điểm mới rất quan trọng khác của Luật là xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng thống nhất trên toàn quốc. Theo quy định mới, cơ sở dữ liệu công chứng sẽ bao gồm thông tin về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, giao dịch đã được công chứng; thông tin về tình trạng giao dịch của tài sản; thông tin về biện pháp ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng; văn bản công chứng và tài liệu khác trong hồ sơ công chứng (khoản 16 Điều 1 Luật). Việc xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ và liên thông trên phạm vi cả nước sẽ giúp hạn chế tình trạng giả mạo giấy tờ, phòng chống lừa đảo trong giao dịch bất động sản và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong thực tế, nhiều vụ tranh chấp, lừa đảo liên quan đến chuyển nhượng tài sản xảy ra do thiếu thông tin hoặc thông tin không được cập nhật kịp thời. Vì vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng thống nhất là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm tính minh bạch và an toàn pháp lý cho các giao dịch. Đây cũng là nền tảng quan trọng để từng bước hiện đại hóa hoạt động công chứng theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả và phù hợp với xu thế chuyển đổi số quốc gia.

Có thể khẳng định rằng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng là bước tiến quan trọng trong tiến trình cải cách tư pháp và chuyển đổi số ở nước ta. Những quy định mới không chỉ góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động công chứng mà còn nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính minh bạch và bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự, thương mại.

Tuy nhiên, để các quy định mới đi vào cuộc sống hiệu quả, cần có sự chuẩn bị đồng bộ về hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Nhà nước cần sớm ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, bảo đảm an toàn thông tin và đào tạo kỹ năng chuyển đổi số cho đội ngũ công chứng viên.

Trong thời đại chuyển đổi số hiện nay, việc hiện đại hóa hoạt động công chứng là yêu cầu tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Với nhiều điểm mới tiến bộ và phù hợp thực tiễn, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng sẽ góp phần xây dựng nền công chứng chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch và hiệu quả hơn, qua đó bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

# Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, nền tảng bền vững cho phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

■ **HỒNG LUYẾN**

***Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp luật giữ vai trò là công cụ quản lý xã hội hiệu quả, là chuẩn mực điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, không chỉ dừng lại ở việc ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mà còn cần hình thành một nền "văn hóa tuân thủ pháp luật" trong toàn xã hội. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính lý luận mà còn là đòi hỏi thực tiễn quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và phát triển hiện nay. Tại Quảng Trị, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật ngày càng được quan tâm. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định trong ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết phải xây dựng và củng cố văn hóa tuân thủ pháp luật một cách toàn diện, bền vững.***

Văn hóa tuân thủ pháp luật có thể hiểu là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, thói quen và hành vi tích cực của con người trong việc tôn trọng, chấp hành và bảo vệ pháp luật. Ở đó, việc tuân thủ pháp luật không chỉ xuất phát từ sự cưỡng chế của Nhà nước mà còn trở thành nhu cầu tự thân, là lựa chọn có ý thức của mỗi cá nhân, tổ chức. Một xã hội có văn hóa tuân thủ pháp luật cao là xã hội mà mọi hành vi đều được điều chỉnh bởi pháp luật và đạo đức, nơi người dân hiểu luật và tự giác chấp hành luật. Ngược lại, nếu pháp luật chỉ tồn tại trên giấy, thiếu sự tuân thủ trong thực tế thì hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước sẽ bị suy giảm, kéo theo nhiều hệ lụy tiêu cực.

Trong bối cảnh hiện nay, khi các quan hệ xã hội ngày càng đa dạng, phức tạp, việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật càng trở nên quan trọng. Đây chính là "lá chắn mềm" nhưng bền vững, giúp phòng ngừa vi phạm pháp luật từ sớm, từ xa. Sau khi sáp nhập tỉnh, tỉnh Quảng Trị đang từng bước phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số. Quá trình này đòi hỏi một môi trường pháp lý minh bạch, ổn định và đặc biệt là sự tuân thủ nghiêm túc của các chủ thể tham gia. Thực tế cho thấy, ở những nơi có môi trường pháp lý ổn định, ý thức chấp hành pháp luật cao, thì hoạt động đầu tư, kinh doanh diễn ra thuận lợi, niềm tin của người dân và doanh nghiệp được củng cố. Ngược lại, nếu tình trạng vi phạm pháp luật còn phổ biến, việc thực thi pháp luật không nghiêm sẽ làm gia tăng chi

phí xã hội, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh. Không chỉ vậy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, việc tuân thủ pháp luật không chỉ là yêu cầu trong nước mà còn gắn với các cam kết quốc tế. Điều này đòi hỏi cả hệ thống chính trị và mỗi người dân phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc chấp hành pháp luật.

Có thể nói rằng, trong những năm qua, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các hình thức tuyên truyền ngày càng đa dạng, nội dung ngày càng phong phú, sát thực tế, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: một bộ phận người dân chưa chủ động tìm hiểu pháp luật hoặc còn tâm lý ngại tìm hiểu pháp luật; tình trạng vi phạm pháp luật trong một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường… vẫn xảy ra; ý thức chấp hành pháp luật của một số cán bộ, công chức và người dân chưa cao; công tác tổ chức thi hành pháp luật ở một số nơi còn thiếu đồng bộ. Những hạn chế này cho thấy, việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật không thể thực hiện trong "một sớm một chiều", mà cần có lộ trình, giải pháp đồng bộ và sự tham gia của toàn xã hội.

Chúng ta thấy rằng, trong xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Không chỉ là người tổ chức thực thi pháp luật, họ còn là những tấm gương để người dân noi theo. Thực tế cho thấy, ở đâu cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gương mẫu, liêm chính, tuân thủ pháp luật thì ở đó người dân có xu hướng chấp hành pháp luật tốt hơn. Ngược lại, nếu cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, thiếu trách nhiệm sẽ làm suy giảm niềm tin của Nhân dân, ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý nhà nước. Do đó, việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường trách nhiệm công vụ, xử lý nghiêm các vi phạm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức là giải pháp then chốt để xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

Một trong những giải pháp quan trọng trong xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật là tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng. Trong đó, cần đa dạng hóa hình thức tuyên truyền như: truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội bằng các hình ảnh trực quan như xây dựng các video clip, inforgraphic; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, lồng ghép trong các hoạt động cộng đồng… Đồng thời, nội dung tuyên truyền cần ngắn gọn, dễ hiểu, gắn với những vấn đề người dân quan tâm. Đặc biệt, cần chú trọng đưa pháp luật đến gần hơn với người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo mọi người đều có cơ hội tiếp cận thông tin pháp luật một cách công bằng. Trong những năm qua, nhất là sau khi sáp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu đã đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như lựa chọn các nội dung quan trọng, thực sự cần thiết với người dân, doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng các video clip ngắn, inforgraphic tuyên truyền trên các Trang Thông tin điện tử, Facebook, Fanpage, Zalo, Tiktok, Youtube về phổ biến giáo dục pháp luật; Sở Tư pháp hàng tháng lựa chọn các nội dung mới, nội dung quan trọng thu âm các chuyên đề gửi UBND cấp xã tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở… Qua đó, đã góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật của người dân, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong Nhân dân.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Bởi vì, việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật không thể tách rời việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành. Pháp luật cần đảm bảo tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, hạn chế chồng chéo, mâu thuẫn. Đồng thời, việc tổ chức thi hành phải nghiêm minh, công bằng, không có "vùng cấm", "ngoại lệ".

Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước cũng là giải pháp quan trọng, giúp tăng tính minh bạch, giảm thiểu tiêu cực, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc tuân thủ pháp luật. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là "đòn bẩy" quan trọng để hình thành và củng cố văn hóa tuân thủ pháp luật trong xã hội hiện đại. Thực tiễn cho thấy, khi các quy trình quản lý được số hóa, minh bạch hóa và chuẩn hóa thì không gian cho những hành vi tiêu cực sẽ bị thu hẹp đáng kể, đồng thời tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện

pháp luật một cách thuận tiện, dễ dàng hơn.

Tại tỉnh Quảng Trị, việc triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số đã và đang từng bước làm thay đổi căn bản phương thức quản lý truyền thống. Các thủ tục hành chính được cung cấp trên môi trường số thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống dịch vụ công trực tuyến đã giúp người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ pháp lý mọi lúc, mọi nơi, không còn phụ thuộc vào không gian, thời gian như trước đây. Điều này không chỉ tiết kiệm chi phí xã hội mà còn giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp, hạn chế các tiêu cực trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Khi các quy trình xử lý hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí và lệ phí… được công khai rõ ràng trên môi trường điện tử, người dân có thể dễ dàng theo dõi, giám sát, từ đó nâng cao niềm tin vào cơ quan công quyền. Đồng thời, việc số hóa dữ liệu, liên thông giữa các cơ quan nhà nước cũng giúp hạn chế tình trạng yêu cầu cung cấp lại thông tin nhiều lần, giảm phiền hà, tạo tâm lý tích cực trong việc tuân thủ pháp luật. Bên cạnh đó, việc vận hành Trang "Quảng Trị S" là một kênh thông tin số góp phần lan tỏa hình ảnh tích cực của Quảng Trị đến với người dân và cộng đồng mạng, giúp truyền tải nhanh chóng các chủ trương, chính sách, thông tin chính thống của Nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, đây cũng là cầu nối tương tác giữa chính quyền với người dân, tạo điều kiện tiếp nhận ý kiến, phản ánh kịp thời các vấn đề phát sinh trong thực tế thông qua mục Phản ánh hiện trường và theo dõi hệ thống camera trực tuyến. Với nội dung gần gũi, sinh động, "Quảng Trị S" đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức công dân trong môi trường số. Qua đó, từng bước xây dựng văn hóa số, văn hóa tuân thủ pháp luật và hình ảnh chính quyền thân thiện, hiện đại. Ngoài ra, các nền tảng số cũng tạo điều kiện để người dân tham gia nhiều hơn vào quá trình quản lý nhà nước. Thông qua các kênh phản ánh, kiến nghị trực tuyến, người dân có thể dễ dàng gửi thông tin, giám sát hoạt động của cơ quan công quyền, góp phần xây dựng một nền hành chính minh bạch, trách nhiệm. Đây chính là yếu tố quan trọng để hình thành "văn hóa pháp lý số" - nơi mỗi cá nhân không chỉ tuân thủ pháp luật mà còn chủ động tham gia bảo vệ pháp luật. Đối với doanh nghiệp, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước giúp giảm đáng kể chi phí tuân thủ. Các thủ tục về đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan, đầu tư... khi được thực hiện trực tuyến sẽ rút ngắn thời gian, đơn giản hóa quy trình, từ đó khuyến khích doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật. Một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng cũng sẽ tạo động lực để doanh nghiệp tự giác tuân thủ.

Văn hóa tuân thủ pháp luật chỉ thực sự bền vững khi trở thành thói quen trong đời sống hàng ngày của mỗi người. Từ những hành vi nhỏ như chấp hành luật giao thông, thực hiện đúng quy định về môi trường, đến những vấn đề lớn hơn như kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện nghĩa vụ thuế... Gia đình, nhà trường và xã hội cần phối hợp chặt chẽ trong việc giáo dục ý thức pháp luật, hình thành thói quen sống và làm việc theo pháp luật ngay từ khi còn nhỏ. Đồng thời, cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong việc giám sát, nhắc nhở, tạo môi trường xã hội lành mạnh, đề cao pháp luật.

Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Mỗi người dân, mỗi tổ chức cần nhận thức rõ vai trò của mình trong việc tôn trọng và chấp hành pháp luật. Tại Quảng Trị, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân, tin tưởng rằng việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật sẽ đạt được những kết quả tích cực, góp phần xây dựng một xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh. Trong hành trình phát triển, pháp luật không chỉ là "hàng rào" mà còn là "đường ray" dẫn dắt xã hội đi đúng hướng. Và văn hóa tuân thủ pháp luật chính là yếu tố đảm bảo cho "đường ray" đó vận hành thông suốt, bền vững.

Có thể khẳng định, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật là yêu cầu tất yếu trong tiến trình phát triển của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Đây không chỉ là giải pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật mà còn là nền tảng để xây dựng xã hội ổn định, phát triển bền vững. Đối với tỉnh ta, việc chú trọng xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân vào pháp luật và chính quyền. Mỗi hành động tuân thủ pháp luật hôm nay chính là viên gạch xây dựng nên một xã hội tốt đẹp hơn ngày mai. Và hành trình đó cần sự chung tay của tất cả chúng ta.

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO HÒA GIẢI VIÊN Ở CƠ SỞ TỈNH QUẢNG TRỊ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

■ **Luật gia: TRẦN TIẾN HẢI**
**Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị**

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công tác hòa giải ở cơ sở luôn được xác định là "cánh tay nối dài" của ngành Tư pháp, là cầu nối quan trọng giữa chính quyền với Nhân dân. Tại Quảng Trị công tác hòa giải không chỉ dừng lại ở việc xử lý các tranh chấp, mà còn là nghệ thuật của lòng nhân ái, là tình thương yêu, góp phần bảo vệ nền tảng văn hóa và sự bình yên từ mỗi gia đình, thôn bản.

Trước yêu cầu hoạt động của tổ chức, bộ máy cơ quan mới và yêu cầu đổi mới ngày càng cao của công tác quản lý nhà nước và mục tiêu chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp, việc nâng cao năng lực cho đội ngũ hoà giải viên không còn là nhiệm vụ thường xuyên, mà đã trở thành yêu cầu cấp thiết và then chốt, để thực hiện hiệu quả Đề án "Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030" (Đề án 315), tỉnh Quảng Trị đã và đang tập trung nguồn lực để chuẩn hóa đội ngũ hoà giải viên về cả trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý tình huống. Việc làm này chính là giải pháp bền vững để xây dựng một xã hội thượng tôn pháp luật, giảm áp lực cho các cơ quan tố tụng và quan trọng hơn hết, là giữ vững niềm tin của Nhân dân vào sự công bằng, minh bạch của pháp luật ngay tại cơ sở.

Nhìn vào Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục, pháp luật tỉnh Quảng Trị[1], điểm thứ nhất có thể thấy là công tác hòa giải ở cơ sở tại Quảng Trị đã minh chứng cho một hệ thống đang vận hành bền bỉ để giữ gìn sự bình yên từ cơ sở. Với 1.876 tổ hòa giải và 13.147 hòa giải viên, tỉnh Quảng Trị đã thành công trong việc duy trì mạng lưới hòa giải phủ kín 100% thôn, bản, tổ dân phố. Trung bình mỗi tổ hòa giải có từ 5 - 7 thành viên, đây là "con số vàng" đảm bảo tính đại diện. Trong một tổ luôn có sự kết hợp giữa những người có uy tín như già làng, trưởng bản, đại diện các đoàn thể như Phụ nữ, Cựu chiến binh, Mặt trận và những người có kiến thức pháp luật. Dù trải qua quá trình hợp nhất tỉnh và sắp xếp lại chính quyền địa phương, số lượng tổ hòa giải vẫn được kiện toàn kịp thời, cho thấy sự chủ động của chính quyền trong việc không để xảy ra "khoảng trống" đối với hoạt động của đội ngũ này ở cơ sở.

Trong năm 2025, toàn tỉnh tiếp nhận 646 vụ việc, trong đó hòa giải thành 530 vụ (chiếm 83,46%), con số, tỷ lệ này mang nhiều thông điệp

quan trọng như giúp giảm tải đáng kể lượng án dân sự cho hệ thống tòa án các cấp, tiết kiệm thời gian, chi phí cho các cá nhân, cơ quan tổ chức, tiết kiệm ngân sách Nhà nước, khẳng định năng lực "dân vận khéo" của đội ngũ hòa giải viên.

Điểm nổi bật thứ hai đó là sự chuyển dịch về chất lượng đội ngũ hoà giải viên. Đa số có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên, đây là cơ sở then chốt để đội ngũ này tiếp thu các văn bản luật mới và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Đội ngũ này được bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ thường xuyên, được cấp phát miễn phí các tài liệu, hướng dẫn kỹ năng hòa giải. Bình quân mỗi năm tổ chức 12 lớp bồi dưỡng, cấp phát trên 4.600 cuốn tài liệu kỹ năng hoà giải ở cơ sở cho đội ngũ hoà giải viên trên địa bàn.

Những con số trên là kết quả từ sự chỉ đạo xuyên suốt của UBND tỉnh, của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và sự tham mưu kịp thời của Sở Tư pháp.

Bên cạnh đó, công tác hòa giải ở cơ sở tại Quảng Trị cũng có những khó khăn, thách thức cần được nhận diện thẳng thắn, đó là: Áp lực từ sự thay đổi địa giới và tổ chức hành chính. Việc hợp nhất tỉnh và sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã tạo ra những thay đổi nhất định về địa bàn quản lý. Sắp tới, khi các thôn, bản, tổ dân phố được sáp nhập hoặc tổ chức lại, địa bàn quản lý rộng hơn, đòi hỏi hòa giải viên phải di chuyển xa hơn. Sự khác biệt về nếp sống, tập quán giữa các cụm dân cư mới sáp nhập dễ dẫn đến những mâu thuẫn nảy sinh trong giai đoạn đầu "hòa nhập". Sự kiện toàn lại các tổ hòa giải sau hợp nhất đòi hỏi thời gian để các thành viên mới bắt nhịp, xây dựng lại uy tín với cộng đồng dân cư tại địa bàn mà họ chưa từng quản lý trước đây.

Một thực tế, mặc dù đa số hòa giải viên có trình độ Trung học phổ thông, nhưng việc sử dụng thành thạo các nền tảng trực tuyến, thực hiện các quy trình dịch vụ công trên môi trường mạng vẫn là một bước tiến dài so với phương thức ghi chép sổ sách truyền thống. Hơn nữa, tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới của Quảng Trị, việc tiếp cận Internet và thiết bị thông minh vẫn còn có mặt hạn chế. Làm thế nào để "số hóa" mà không làm mất đi sự gần gũi, tính "đối thoại trực tiếp" đặc trưng của hòa giải là một bài toán khó.

Trong tình hình mới, các mâu thuẫn không còn gói gọn trong việc tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình, trong lời ăn tiếng nói, tranh chấp trong việc đất đai, ranh giới mà sự phát triển của mạng xã hội khiến việc tranh chấp còn diễn ra trong các vụ việc bôi nhọ, xúc phạm danh dự trên môi trường mạng…, đòi hỏi hòa giải viên phải có kiến thức về Luật An ninh mạng và kỹ năng xử lý mâu thuẫn trên môi trường số. Bên cạnh đó, mặc dù tỉnh đã có hướng dẫn chi trả thù lao, nhưng so với công sức "ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng", nguồn kinh phí này vẫn còn khiêm tốn. Điều này dễ dẫn đến tâm lý ngại tham gia của những người trẻ có năng lực, khiến đội ngũ có nguy cơ bị già hóa.

Để nâng cao năng lực cho hòa giải viên ở cơ sở tỉnh Quảng Trị đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

*Thứ nhất,* cần xem xét, rà soát lại toàn bộ 1.876 tổ hòa giải, đặc biệt là tại các đơn vị hành chính vừa sáp nhập. Không chỉ là thay đổi tên gọi, mà cần đánh giá lại sự phù hợp của các tổ viên với địa bàn mới để đảm bảo mỗi tổ hòa giải là một "pháo đài" đoàn kết. Tăng cường công tác tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ hoà giải viên. Trong tập huấn, thay vì tập huấn đại trà, công tác bồi dưỡng cần đi vào chiều sâu việc cập nhật kiến thức pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực như đất đai, hôn nhân gia đình và an ninh mạng. Bên cạnh đó, các hòa giải viên cần được đào tạo cách lắng nghe, cách kiềm chế cảm xúc và kỹ năng thuyết phục trong môi trường đa văn hóa sau khi sáp nhập địa phương. Đưa nội dung sử dụng dịch vụ công trực tuyến vào chương trình bồi dưỡng cho các hòa giải viên.

*Thứ hai,* phát huy vai trò "Dân vận khéo" và huy động nguồn lực xã hội. Hòa giải không thể chỉ dựa vào ngành Tư pháp, mà cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Phát huy Mô hình "Hòa giải viên gắn với người có uy tín", cần lồng ghép vai trò của các già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo vào tổ hòa giải. Sự kết hợp giữa phong tục tập quán và quy định của pháp luật chính là chìa khóa để đạt tỷ lệ hòa giải thành cao bền vững. Cần thiết lập kênh liên lạc thông tin xuyên suốt giữa Tổ hòa giải - Công an xã và

*(Xem tiếp trang 16)*

# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ HIỆN NAY

■ **ĐOÀN THỊ PHƯỢNG**
**Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị**

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam đã để lại cho chúng ta một di sản tư tưởng vô cùng quý báu. Trong đó, tư tưởng về đoàn kết toàn dân, về công tác dân vận và phương pháp giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Người từng căn dặn: "Xét xử đúng là tốt, nhưng nếu không phải xét xử lại càng tốt hơn". Lời dạy ấy không chỉ thể hiện tư tưởng nhân văn sâu sắc mà còn là kim chỉ nam cho công tác hoà giải ở cơ sở trong suốt những năm qua.

Ngày nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, các quan hệ xã hội trở nên đa dạng và phức tạp hơn, kéo theo sự gia tăng của các tranh chấp dân sự, hôn nhân gia đình và đất đai tại cộng đồng dân cư. Thực tiễn cho thấy, nếu chỉ dựa vào các biện pháp hành chính hay tố tụng tại tòa án thì khó có thể giải quyết triệt để các mâu thuẫn từ gốc rễ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác hòa giải ở cơ sở không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn là nhu cầu khách quan để xây dựng một xã hội yên bình, văn minh và nghĩa tình.

**Tư tưởng Hồ Chí Minh về hòa giải và đoàn kết.** Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "Nước lấy dân làm gốc… Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền Nhân dân"[1]. Đối với Người, mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước đều phải xuất phát từ lợi ích của Nhân dân. Mâu thuẫn trong Nhân dân là điều làm suy yếu khối đoàn kết, do đó, giải quyết mâu thuẫn là để củng cố sức mạnh chung. Người nâng tầm đoàn kết lên thành chiến lược sống còn: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Trong công tác hoà giải, mục tiêu tối thượng không chỉ là phân định đúng sai về mặt pháp lý, mà quan trọng hơn là hàn gắn rạn nứt tình cảm, khôi phục tình làng nghĩa xóm, để bà con lối xóm thuận hòa. Đây chính là biểu hiện sinh động nhất của việc giữ gìn sự đoàn kết từ cơ sở. Hòa giải thực chất là một hình thức dân vận cá biệt. Công tác hòa giải đòi hỏi sự kiên trì, nhẫn nại, không thể dùng mệnh lệnh hành chính để

áp đặt. Tư tưởng dân vận của Bác trong hoà giải thể hiện qua phương châm: "óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm"[2]. Hoà giải viên phải thực sự gần dân, hiểu dân, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của các bên tranh chấp để tìm ra điểm mấu chốt của vấn đề. Chỉ khi "thấu tình" thì mới có thể "đạt lý".

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho nền pháp lý Việt Nam, nhưng Người cũng là hiện thân của đạo đức cách mạng. Trong giải quyết các công việc, Bác luôn coi trọng sự kết hợp giữa "pháp trị" và "đức trị". Pháp luật là chuẩn mực bắt buộc, nhưng đạo đức là gốc rễ của hành vi. Trong hoà giải ở cơ sở, nếu chỉ cứng nhắc áp dụng các điều luật khô khan thì dễ dẫn đến tình trạng "thắng về lý nhưng thua về tình", mâu thuẫn ngầm vẫn âm ỉ. Tư tưởng Hồ Chí Minh định hướng cho hoà giải viên biết dùng đạo lý, truyền thống văn hóa, tình cảm gia đình để cảm hóa, thuyết phục, giúp các bên tự nguyện thỏa thuận.

Đối với tỉnh Quảng Trị, sau khi hợp nhất tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp có những xáo trộn nhất định về địa giới và tâm lý dân cư. UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 1413/KH-UBND ngày 17/10/2025 triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2025 - 2030 và các văn bản hướng dẫn để đảm bảo công tác hòa giải không bị gián đoạn. Với 1.876 tổ hòa giải phủ khắp 100% thôn, bản, tổ dân phố, tỉnh đã tạo ra một đội ngũ để giải quyết mâu thuẫn ngay từ cơ sở. Việc mỗi tổ có từ 05 - 07 thành viên không chỉ đảm bảo số lượng mà còn tạo sự đa dạng về uy tín người cao tuổi, đại diện đoàn thể, giúp việc dân vận đạt hiệu quả cao nhất. Quảng Trị đã quan tâm việc nâng cao chất lượng thực chất cho 13.147 hòa giải viên. Năm 2025, đã tổ chức 12 lớp bồi dưỡng cho hơn 1.400 hòa giải viên và biên soạn 4.676 cuốn tài liệu kỹ năng chuyên sâu[2]. Tài liệu kỹ năng chính là "cẩm nang" để hòa giải viên vận dụng linh hoạt giữa quy định pháp luật và đạo đức truyền thống tại địa phương.

Kết quả hòa giải thành đạt 83,46% (530/646 vụ việc) là một con số "biết nói". 530 vụ việc hòa giải thành đồng nghĩa với 530 mâu thuẫn tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình, xích mích hàng xóm... được giải quyết ngay tại cơ sở. Tỷ lệ này khẳng định niềm tin của Nhân dân vào tổ chức Đảng và chính quyền cơ sở. Khi người dân tin tưởng chọn hòa giải thay vì kiện tụng thì đã tạo nên sự đồng thuận và ổn định bền vững cho tỉnh Quảng Trị sau giai đoạn hợp nhất.

Để nâng cao hiệu quả công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới, theo tôi cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau đây:

*Thứ nhất,* quán triệt tư tưởng "Lấy dân làm gốc" làm kim chỉ nam trong công tác hòa giải. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu phục vụ. Đối với công tác hòa giải tại địa phương, giải pháp tiên quyết là phải làm cho đội ngũ cán bộ, hòa giải viên thấm nhuần quan điểm: hòa giải không phải là việc "phân xử" đúng sai một cách máy móc mà là quá trình giúp dân tự giải quyết mâu thuẫn để giữ gìn sự đoàn kết. Việc thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng và tôn trọng quyền làm chủ của người dân Quảng Trị - những người vốn mang truyền thống kiên cường và trọng tình nghĩa sẽ giúp các cuộc hòa giải đi vào chiều sâu, giải quyết triệt để các xung đột từ khi mới phát sinh, tránh tình trạng khiếu kiện kéo dài.

*Thứ hai,* tiếp tục kiện toàn và nâng cao trình độ, kỹ năng và đảm bảo chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho đội ngũ hòa giải viên. Đây là nhiệm vụ then chốt để thực hiện Đề án 315 trong giai đoạn mới. Không chỉ dừng lại ở số lượng 13.147 hòa giải viên, cần tập trung vào việc tiếp tục rà soát, thay thế những hòa giải viên còn hạn chế về kiến thức pháp luật bằng những người có trình độ, am hiểu phong tục tập quán và có kỹ năng dân vận. Bên cạnh đó, cần đổi mới hình thức bồi dưỡng cho đội ngũ hoà giải viên. Chuyển từ truyền đạt lý thuyết một chiều sang đào tạo qua tình huống thực tế. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc việc chi thù lao theo vụ việc và kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải. Thường xuyên tổ chức các hội thi "Hòa giải viên giỏi" từ cơ sở đến cấp tỉnh và khen thưởng kịp thời các gương điển hình. Điều này tạo động lực tinh thần to lớn, nhân rộng các mô hình tốt, hiệu quả trên toàn tỉnh.

*Thứ ba,* vận dụng phương pháp "Dân vận khéo" vào thực tiễn địa phương . Bác Hồ đã dạy "Dân vận kém thì việc gì cũng kém, dân vận khéo thì việc gì cũng thành công"[4]. Do vậy, hòa giải viên không được chỉ ngồi chờ vụ việc mà phải chủ động sâu sát cơ sở, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các bên từ khi mâu thuẫn còn

trong "trứng nước". Hòa giải viên phải đóng vai trò là người kết nối, dùng tình cảm để dẫn dắt đến các quy định của pháp luật, giúp các bên tự nguyện thỏa thuận, tránh tình trạng ép buộc hòa giải để lấy thành tích.

*Thứ tư,* chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác hoà giải ở cơ sở. Số hóa kết quả các vụ việc hòa giải thành để làm kho tài liệu tham khảo, giúp các địa phương học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng pháp luật và đạo đức xã hội.

Khi mỗi mâu thuẫn được hóa giải, mỗi xích mích được gỡ bỏ bằng cái tình và cái lý, chúng ta không chỉ giữ được sự bình yên cho từng nếp nhà, bản làng, mà còn góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng tỉnh Quảng Trị giàu đẹp, văn minh, để tinh thần đại đoàn kết luôn là ngọn đuốc soi đường cho mọi thắng lợi.

---

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 5, tr 502.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 233.

3. Báo cáo số: 2735/BC-HĐPH ngày 31 tháng 12 năm 2025, của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục, pháp luật về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 6, NXBCTQG, Hà Nội 2011, trang 234.

---

**Tài liệu tham khảo**


1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011

2. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, NXBCTQG, Hà Nội 2011, trang 234.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia- ST, Hà Nội, 2000, tập 4.

4. Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục, pháp luật tỉnh Quảng Trị (2025), Báo cáo số 2735/BC-HĐPH ngày 31/12/2025, về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.


# GIẢI PHÁP NÂNG CAO...

*(Tiếp theo trang 13)*

các đoàn thể. Điều này giúp nhận diện sớm các vụ việc, các điểm nóng để có sự can thiệp kịp thời, tránh việc mâu thuẫn nhỏ tích tụ thành vụ việc lớn.

*Thứ ba,* đảm bảo nguồn lực tài chính và động viên tinh thần cho đội ngũ hoà giải viên. Để giữ chân đội ngũ 13.147 hòa giải viên, cần những chính sách thiết thực như thực hiện đúng, đủ chế độ thù lao. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Kinh phí phải được giải ngân kịp thời, minh bạch để tạo động lực cho hòa giải viên. Bên cạnh đó, cần xây dựng phần mềm hoặc ứng dụng quản lý hòa giải viên để ghi nhận thành tích trực tuyến. Những gương "Hòa giải viên tiêu biểu" cần được vinh danh kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số của tỉnh để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

Nhìn lại hành trình năm 2025 với nhiều biến động về tổ chức và địa giới hành chính, có thể khẳng định: Hòa giải ở cơ sở chính là "sợi dây lạt" mềm mại nhưng vô cùng bền chặt, giữ cho khối đại đoàn kết toàn dân tại Quảng Trị luôn vững vàng. Hòa giải không chỉ là việc đưa ra một bản cam kết hay một cái bắt tay sau tranh chấp. Đó là quá trình gạn đục khơi trong, là sự kiên trì nhẫn nại của 13.147 hòa giải viên là những người không quản nắng mưa, đi từng ngõ, gõ từng nhà để tìm lại sự đồng thuận. Trong bối cảnh Quảng Trị đang nỗ lực chuyển mình mạnh mẽ sau hợp nhất, mỗi vụ việc hòa giải thành chính là một viên gạch xây nên nền móng ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Đầu tư cho hòa giải ở cơ sở chính là đầu tư cho sự bình yên bền vững. Với sự quan tâm sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự nỗ lực không ngừng của ngành Tư pháp, chúng ta hoàn toàn có quyền tin tưởng rằng: Trên mảnh đất Quảng Trị kiên cường, những mầm non của sự đoàn kết sẽ tiếp tục xanh tươi, góp phần xây dựng một cộng đồng dân cư văn minh, thượng tôn pháp luật và tràn đầy tình người.

---

1. Báo cáo số 2735/BC-HĐPH ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục, pháp luật tỉnh về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

# Mở rộng diện người được trợ giúp pháp lý - Một quyết sách nhằm tiếp tục cụ thể hoá chủ trương của Đảng về bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện quyền con người, quyền công dân

■ **Luật gia NGUYỄN BÁ THÀNH**
**Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Trị**

Ngày 23/4/2026, tại kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (Luật số 05/2026/QH16), với tỷ lệ 100% đại biểu Quốc hội có mặt tán thành. Luật số 05/2026/QH16 gồm 03 Điều, trong đó: Điều 1 - sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL năm 2017 (sửa đổi, bổ sung 24 Điều, bãi bỏ 02 Điều); Điều 2 - sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; Điều 3 - quy định về hiệu lực thi hành. Luật số 05/2026/QH16 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027.

Một trong những nội dung rất quan trọng của Luật số 05/2026/QH16 là đã mở rộng diện người được TGPL. Đây là một quyết sách nhằm tiếp tục cụ thể hoá các chủ trương của Đảng về bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện quyền con người, quyền công dân được quy định tại các Nghị quyết, văn kiện của Đảng: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, xác định: *"Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, TGPL và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật"; "Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước";* Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị khoá XIII về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, yêu cầu: *"Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, TGPL… để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật…"; "Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số đồng bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL,…"; "Ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL cho đối tượng đặc thù, yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số"* và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng *"Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, các thiết chế trong lĩnh vực TGPL"*.

Cụ thể, quy định về người được TGPL trong Luật số 05/2026/QH16 tiếp tục kế thừa những nội dung còn phù hợp của Luật TGPL năm 2017 nhằm bảo đảm tốt hơn quyền được TGPL của những người yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội. Bên cạnh đó, việc xác định diện người được TGPL cũng dựa trên các chính sách xã hội cơ bản (giảm nghèo, ưu đãi người có công với cách mạng, dân tộc…) và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Luật đã quy định rõ từng nhóm đối tượng với những tiêu chí cụ thể để bảo đảm tính minh bạch và thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

So với Luật TGPL năm 2017, diện người được TGPL theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL đã được mở rộng, cụ thể như sau:

*Thứ nhất,* 06 nhóm người được kế thừa hoàn toàn từ quy định hiện hành, đó là: *(1)* Người thuộc hộ nghèo; *(2)* Người có công với cách mạng; *(3)* Trẻ em; *(4)* Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; *(5)* Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên; *(6)* Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

*Thứ hai,* 03 nhóm người được kế thừa và mở rộng theo hướng được TGPL không phụ thuộc vào yếu tố khó khăn tài chính, đó là: *(1)* Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi liệt sĩ; *(2)* Người nhiễm chất độc da cam; *(3)* Người khuyết tật.

*Thứ ba,* 02 nhóm người không quy định theo tiêu chí trung gian "có khó khăn về tài chính" mà được mở rộng và quy định trực tiếp gắn với điều kiện cụ thể của từng nhóm; đó là: *(1)* Người thuộc hộ cận nghèo; *(2)* Người được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng là người cao tuổi, người bị bạo lực trong vụ việc bạo lực gia đình, người nhiễm HIV.

*Thứ tư,* 05 nhóm người được bổ sung mới hoàn toàn, đó là: *(1)* Người dân tộc thiểu số rất ít người; *(2)* Người lao động có thu nhập thấp là người bị buộc tội, bị hại; *(3)* Người có khó khăn đột xuất do gặp thiên tai hoặc hỏa hoạn được TGPL trong vụ việc liên quan trực tiếp đến khắc phục hậu quả xảy ra với họ bởi các sự kiện này; *(4)* Cá nhân bị thiệt hại mà không thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; *(5)* Người nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định được TGPL.

Ngoài ra, Luật số 05/2026/QH16 bổ sung quy định *"Người được TGPL khác theo quy định của pháp luật"* nhằm tạo sự linh hoạt, bảo đảm khả năng bao quát các đối tượng được TGPL phát sinh trong tương lai.

Có thể khẳng định việc bổ sung các nhóm đối tượng mới và mở rộng một số nhóm theo hướng không phụ thuộc vào điều kiện khó khăn về tài chính đã góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí, bảo đảm TGPL kịp thời cho những trường hợp thực sự cần thiết trong thực tiễn. Qua đó, Luật TGPL tiếp tục khẳng định vai trò là công cụ quan trọng bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

# Phát huy vai trò của người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên

■ **HỒNG THUẬN**
**Trường Đại học Quảng Bình**

Trong những năm gần đây, yêu cầu xây dựng nền tư pháp hiện đại, nhân văn, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và quyền trẻ em ngày càng được chú trọng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh: *Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất,… Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, chú trọng công tác giải thích pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật, bảo đảm việc hiểu, áp dụng pháp luật một cách thống nhất*. Định hướng này không chỉ tạo nền tảng cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung mà còn đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật. Trong đó, cơ chế tư pháp đối với người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi) cần được triển khai theo hướng chuyên biệt, thân thiện, lấy giáo dục và hỗ trợ phục hồi làm trọng tâm.

Người chưa thành niên (NCTN) là nhóm đối tượng đặc thù, đang trong quá trình phát triển về thể chất, tâm sinh lý và nhận thức xã hội nên cần được Nhà nước, gia đình và xã hội quan tâm bảo vệ, giáo dục bằng các cơ chế phù hợp. Trong hoạt động tư pháp, việc xử lý NCTN vi phạm pháp luật không chỉ nhằm mục đích răn đe, xử lý hành vi vi phạm mà quan trọng hơn là giáo dục, hỗ trợ phục hồi, tạo điều kiện để các em sửa chữa sai lầm, tái hòa nhập cộng đồng và phát triển lành mạnh.

Xuất phát từ yêu cầu đó, Quốc hội đã ban hành Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) với nhiều quy định mới mang tính nhân văn, tiến bộ, tiếp cận phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em và tư pháp thân thiện với NCTN.

Tại khoản 10 Điều 3 Luật Tư pháp người chưa thành niên (Luật TPNCTN) xác định: *Người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên bao gồm công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, công chức văn hóa - xã hội cấp xã và người làm công tác xã hội khác theo quy định của pháp luật".* Đồng thời, Luật quy định cụ thể nhiệm vụ của người làm công tác xã hội tại Điều 32: xây dựng báo cáo điều tra xã hội, kế hoạch xử lý chuyển hướng; tham gia hỗ trợ và can thiệp phù hợp đối với người chưa thành niên khi có yêu cầu; tham gia phiên họp, phiên tòa theo quy định của Luật TPNCTN; tham gia công tác thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên theo quy định của pháp luật;… Người làm công tác xã hội tham gia hoạt động tư pháp NCTN theo từng vụ việc, vụ án cụ thể. Một người làm công tác xã hội có thể tham gia hỗ trợ cho nhiều người bị buộc tội hoặc nhiều người bị hại nhưng không đồng thời hỗ trợ cho cả người bị buộc tội và bị hại trong cùng một vụ án. Như vậy, người làm công tác xã hội có thể tham gia ở nhiều

giai đoạn khác nhau của quá trình giải quyết vụ việc, vụ án liên quan đến NCTN. Góp phần đảm bảo tính nhân văn, toàn diện và hiệu quả với hoạt động tư pháp. Vai trò của người làm công tác xã hội khi tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên:

*(1) Hỗ trợ tâm lý và giảm tác động tiêu cực đối với NCTN trong quá trình tố tụng*

Người chưa thành niên khi tham gia vào hoạt động điều tra, truy tố, xét xử thường có tâm lý lo lắng, hoang mang và thiếu khả năng tự bảo vệ mình trước các áp lực tâm lý. Trong một số vụ việc, NCTN là nạn nhân của bạo lực hoặc xâm hại còn có dấu hiệu khủng hoảng tinh thần, mất niềm tin và khó hợp tác trong quá trình giải quyết vụ việc. Trong trường hợp này, người làm công tác xã hội đóng vai trò hỗ trợ tâm lý, trấn an tinh thần và giúp NCTN thích nghi với môi trường tố tụng. Thông qua hoạt động tư vấn, lắng nghe và đồng hành, người làm công tác xã hội giúp các em giảm bớt áp lực tâm lý, tăng khả năng hợp tác và tránh những tổn thương tinh thần trong quá trình giải quyết vụ việc.

*(2) Đánh giá hoàn cảnh, nguyên nhân vi phạm và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp*

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp NCTN là xây dựng báo cáo điều tra xã hội, nhằm đánh giá toàn diện hoàn cảnh gia đình và xem xét đến các yếu tố về môi trường sống, mức độ trưởng thành, tình trạng sức khỏe, tình hình học tập, các mối quan hệ xã hội,... Thông qua hoạt động điều tra, khảo sát và đánh giá xã hội, người làm công tác xã hội giúp cơ quan có thẩm quyền hiểu rõ nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của NCTN; đồng thời đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phù hợp với từng trường hợp cụ thể, bảo đảm việc áp dụng biện pháp xử lý mang tính giáo dục và hỗ trợ phục hồi thay vì chỉ chú trọng yếu tố xử phạt.

*(3) Kết nối các nguồn lực hỗ trợ NCTN phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng*

Tái hòa nhập cộng đồng là mục tiêu quan trọng của hoạt động tư pháp NCTN. Sau quá trình tố tụng, NCTN thường gặp khó khăn trong học tập và hòa nhập xã hội do tâm lý mặc cảm, kỳ thị. Trong trường hợp này, người làm công tác xã hội đóng vai trò kết nối các em với nhà trường, cơ sở đào tạo nghề, dịch vụ tư vấn tâm lý, các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương và các tổ chức hỗ trợ khác nhằm giúp ổn định cuộc sống, tiếp tục học tập hoặc học nghề, giảm nguy cơ tái phạm. Đồng thời, người làm công tác xã hội còn hỗ trợ gia đình và chính quyền địa phương trong việc giáo dục, quản lý và tạo môi trường phát triển lành mạnh cho NCTN.

*(4) Góp phần nâng cao tính nhân văn của nền tư pháp*

Sự tham gia của người làm công tác xã hội giúp thay đổi cách tiếp cận trong giải quyết vụ việc liên quan đến NCTN theo hướng nhân văn và toàn diện hơn. Thay vì chỉ tập trung vào hành vi vi phạm, quá trình giải quyết chú trọng nhiều hơn đến yếu tố giáo dục, phòng ngừa và phục hồi. Điều này phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Đại hội XIV về phát triển con người toàn diện, xây dựng xã hội công bằng, nhân văn và bảo đảm quyền con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

So với các quy định trước đây, Luật TPNCTN đã có nhiều đổi mới quan trọng theo hướng lấy giáo dục, hỗ trợ phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng làm trọng tâm; hạn chế áp dụng biện pháp tước tự do và đề cao vai trò của gia đình, nhà trường, tổ chức xã hội và người làm công tác xã hội trong quá trình hỗ trợ NCTN.

Trong bối cảnh đó, công tác xã hội trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống tư pháp thân thiện đối với người chưa thành niên. Nhằm nâng cao hiệu quả triển khai Luật TPNCTN tại địa phương, ngày 13/3/2026, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 868/

QĐ-UBND công bố danh sách người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh. Đây là cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng và chính quyền địa phương phối hợp thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ tâm lý, giáo dục và tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên phạm tội.

Việc công bố danh sách người làm công tác xã hội góp phần kiện toàn đội ngũ hỗ trợ tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan liên quan, đồng thời nâng cao hiệu quả phòng ngừa tái phạm và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng.

Thực tiễn cho thấy, nhiều trường hợp NCTN vi phạm pháp luật xuất phát từ hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu sự quan tâm giáo dục hoặc chịu tác động tiêu cực từ môi trường xã hội. Vì vậy, bên cạnh các biện pháp xử lý, việc hỗ trợ tâm lý, xã hội từ đội ngũ người làm công tác xã hội có ý nghĩa quan trọng trong phòng ngừa tái phạm và giúp NCTN sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh.

Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả vai trò của người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp NCTN, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực đội ngũ và bảo đảm điều kiện thực hiện trên thực tế. Trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất,* đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật TPNCTN năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, gia đình và cộng đồng về tư pháp thân thiện và vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ NCTN.

*Thứ hai,* tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng tham vấn tâm lý, kỹ năng làm việc với NCTN cho đội ngũ người làm công tác xã hội; đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan tư pháp, y tế, giáo dục và chính quyền địa phương nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ người chưa thành niên trong từng giai đoạn tố tụng và tái hòa nhập cộng đồng.

*Thứ ba,* bảo đảm nguồn lực, cơ sở vật chất và cơ chế hỗ trợ phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp.

*Thứ tư,* phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, tổ chức đoàn thể và cộng đồng trong giáo dục, hỗ trợ NCTN tái hòa nhập cộng đồng; tăng cường phối hợp giữa gia đình với chính quyền địa phương trong việc theo dõi, động viên, tạo môi trường sống tích cực giúp NCTN ổn định tâm lý, tiếp tục học tập, học nghề và phát triển lành mạnh.

*Thứ năm,* tăng cường huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp và cộng đồng trong hoạt động hỗ trợ NCTN vi phạm pháp luật hoặc có nguy cơ vi phạm pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục, hỗ trợ việc làm, ổn định cuộc sống và hạn chế nguy cơ tái phạm.

*Thứ sáu,* đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi và hỗ trợ NCTN, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa, can thiệp và hỗ trợ phục hồi cho NCTN.

*Thứ bảy,* thường xuyên sơ kết, đánh giá hiệu quả triển khai hỗ trợ công tác xã hội trong hoạt động tư pháp NCTN để kịp thời tháo gỡ khó khăn và hoàn thiện cơ chế thực hiện phù hợp với thực tiễn địa phương.

Có thể khẳng định rằng, Luật TPNCTN thể hiện rõ chính sách nhân văn của Đảng và Nhà nước đối với NCTN vi phạm pháp luật, hướng đến mục tiêu giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng thay vì chỉ xử lý mang tính trừng phạt. Trong quá trình đó, người làm công tác xã hội giữ vai trò quan trọng trong hỗ trợ tâm lý, giáo dục, kết nối các nguồn lực xã hội và đồng hành cùng người chưa thành niên sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

# THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

■ ThS. VÕ TUYẾT HÀ

Năm 2025, thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *"Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*, hệ thống tổ chức các cơ quan Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương được tổ chức lại đồng bộ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kịp thời đồng bộ các chủ trương, quy định để chỉ đạo thực hiện. Hệ thống các văn bản mới ban hành cơ bản bảo đảm đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý để thực hiện sắp xếp kịp thời, bảo đảm không trùng giẫm, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các cấp cơ sở; bảo đảm giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bên cạnh đó, còn nhiều quy định không còn phù hợp, đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền khẩn trương rà soát sửa đổi, ban hành các quy định mới nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, xử lý các quy định chưa đầy đủ, không phù hợp/các tình huống mới phát sinh; đồng thời tạo chế tài đủ mạnh, răn đe đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân. Việc hoàn thiện thể chế đã được triển khai thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, đồng bộ. Quốc hội đã thông qua nhiều văn bản sửa đổi, bổ sung các luật để quản lý xã hội. Mặt khác, nhằm kịp thời xử lý các hành vi vi phạm hành chính xảy ra trong xã hội trong quá trình thực hiện việc sắp xếp bộ máy, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025); Chính phủ đã ban hành Nghị định 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 118/2021/NĐ-CP và đã ban hành trên 16 nghị định về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực.

Trong lĩnh vực tư pháp, Chính phủ đã ban hành Nghị định 109/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (có hiệu lực từ 18/5/2026). Việc ban hành Nghị định số 109/2026/NĐ-CP là cấp thiết để hoàn thiện chế tài nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, trong đó có hoạt động đấu giá tài sản; khắc phục các vướng mắc, tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để ngăn chặn vi phạm và bảo vệ an toàn pháp lý cho giao dịch dân sự, củng cố lòng tin của người dân; đồng thời phù hợp với thực tiễn tinh gọn tổ chức bộ máy sau khi bỏ chính quyền địa phương cấp huyện, Thanh tra Sở, phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã.

Theo đó, Điều 84 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP quy định Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền: (i) Phạt cảnh cáo; (ii) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hôn

nhân và gia đình; đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; (iii) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hành nghề, thẻ tư vấn viên pháp luật, thẻ công chứng viên, thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; (iv) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; (v) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật; các biện pháp khác được quy định cụ thể tại các Chương II, III, IV, V, VI và VII Nghị định 109/2026/NĐ-CP. Các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đấu giá tài sản được quy định tại Mục 7 Nghị định 109/2026/NĐ-CP (từ Điều 27 đến Điều 30). Mục này quy định về: Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá; đề nghị đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, chi nhánh của doanh nghiệp đấu giá tài sản; thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản; hành vi vi phạm quy định của đấu giá viên; hành vi vi phạm quy định của người tham gia đấu giá, người có tài sản đấu giá và người khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản; hành vi vi phạm quy định về hoạt động của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Trong đó, Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm của đấu giá viên tại Điều 28 của Nhị định số 109/2026/NĐ-CP như sau:

***Khoản 1 Điều 28 phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:***

a) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề đấu giá;

b) Thỏa thuận trái pháp luật với cá nhân, tổ chức có liên quan trong hoạt động đấu giá tài sản làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba, trừ trường hợp: lập danh sách khống về người đăng ký tham gia đấu giá hoặc lập hồ sơ khống hoặc lập hồ sơ giả về người tham gia đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; cho phép người không đủ điều kiện tham gia đấu giá tham dự phiên đấu giá.

c) Biết mà không yêu cầu người tập sự hành nghề đấu giá do mình hướng dẫn chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật về đấu giá tài sản trong quá trình tập sự tại tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó;

d) Không tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đấu giá hàng năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

***Khoản 2 Điều 28 phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:***

a) Không dừng phiên đấu giá khi có đề nghị của người có tài sản về việc đấu giá viên có hành vi thông đồng, móc nối để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, dìm giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản;

b) Không dừng phiên đấu giá theo đề nghị của người có tài sản khi người tham gia đấu giá có một trong các hành vi sau: thông đồng, móc nối để dìm giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản; cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá; đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

c) Biết mà không truất quyền tham dự phiên đấu giá khi người tham gia đấu giá có một trong các hành vi sau: cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham dự phiên đấu giá; thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại

phiên đấu giá; đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản; tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó; tham dự phiên đấu giá trong trường hợp công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

d) Không truất quyền tham dự phiên đấu giá khi người trả giá cao nhất rút lại giá đã trả hoặc người chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá;

đ) Không trực tiếp điều hành phiên đấu giá nhưng vẫn ký biên bản đấu giá;

e) Hạn chế người tham gia đấu giá trong quá trình tham gia đấu giá;

g) Điều hành phiên đấu giá không đúng hình thức đấu giá, phương thức đấu giá theo quy chế cuộc đấu giá đã ban hành; điều hành phiên đấu giá không đúng trình tự theo quy định;

h) Điều hành phiên đấu giá trong trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá không đúng quy định;

i) Tự xác định bước giá hoặc điều hành phiên đấu giá không theo bước giá đã công bố;

k) Công bố không đúng giá do người tham gia đấu giá trả.

***Khoản 3 Điều 28 phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá để hành nghề đấu giá.***

***Khoản 4 Điều 28 phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:***

a) Không phải là đấu giá viên mà điều hành phiên đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Công bố không đúng người trúng đấu giá;

c) Để lộ thông tin về người đăng ký tham gia đấu giá.

***Khoản 6 Điều 28 tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá từ 09 tháng đến 12 tháng đối với một trong các hành vi sau:***

a) Lập danh sách khống về người đăng ký tham gia đấu giá hoặc lập hồ sơ khống hoặc lập hồ sơ giả về người tham gia đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đồng thời hành nghề tại 02 tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên hoặc kiêm nhiệm hành nghề công chứng hoặc thừa phát lại;

d) Cho phép người không đủ điều kiện tham gia đấu giá tham dự phiên đấu giá.

***Khoản 7 Điều 28 hình thức xử phạt bổ sung***

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm:

- Biết mà không truất quyền tham dự phiên đấu giá khi người tham gia đấu giá có một trong các hành vi sau: cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham dự phiên đấu giá; thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá; đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở

lên đối với cùng một tài sản; tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó; tham dự phiên đấu giá trong trường hợp công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

- Không truất quyền tham dự phiên đấu giá khi người trả giá cao nhất rút lại giá đã trả hoặc người chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá;

- Không trực tiếp điều hành phiên đấu giá nhưng vẫn ký biên bản đấu giá;

- Điều hành phiên đấu giá không đúng hình thức đấu giá, phương thức đấu giá theo quy chế cuộc đấu giá đã ban hành; điều hành phiên đấu giá không đúng trình tự theo quy định;

- Cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá để hành nghề đấu giá.

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi vi phạm điều hành phiên đấu giá trong trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá không đúng quy định;

***Khoản 8 Điều 28 biện pháp khắc phục hậu quả:***

a) Hủy bỏ kết quả đấu giá tài sản:

* Hủy bỏ kết quả đấu giá tài sản đối với hành vi vi phạm sau trong trường hợp làm sai lệch kết quả đấu giá:

- Hạn chế người tham gia đấu giá trong quá trình tham gia đấu giá;

- Điều hành phiên đấu giá không đúng hình thức đấu giá, phương thức đấu giá theo quy chế cuộc đấu giá đã ban hành; điều hành phiên đấu giá không đúng trình tự theo quy định;

- Công bố không đúng giá do người tham gia đấu giá trả;

- Lập danh sách khống về người đăng ký tham gia đấu giá hoặc lập hồ sơ khống hoặc lập hồ sơ giả về người tham gia đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

* Hủy bỏ kết quả đấu giá tài sản đối với hành vi vi phạm sau trong trường hợp người không đủ điều kiện tham gia đấu giá là người trúng đấu giá:

- Không phải là đấu giá viên mà điều hành phiên đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Công bố không đúng người trúng đấu giá;

- Cho phép người không đủ điều kiện tham gia đấu giá tham dự phiên đấu giá.

b) Buộc hủy quyết định phê duyệt kết quả đấu giá tài sản, hủy bỏ giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 8 Điều 28 nêu trên;

c) Buộc nộp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 nêu trên;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 2; các khoản 3, 4 và 6 Điều 28 nêu trên.

Như vậy, chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm của đấu giá viên nêu trên, trừ quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định 109/2026/NĐ-CP *(Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Điều hành phiên đấu giá cho tổ chức không phải là tổ chức hành nghề đấu giá mà mình đã đăng ký hành nghề hoặc tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng hoặc hội đồng đấu giá tài sản; Lợi dụng danh nghĩa đấu giá viên để trục lợi )* và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

# Ý NGHĨA CỦA LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP DÂN SỰ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG, BẢO VỆ QUYỀN TƯ PHÁP, QUYỀN CON NGƯỜI

■ **THU HƯƠNG**

Ngày 26/11/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (Luật TTTPDS), có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, đánh dấu một bước hoàn thiện quan trọng của hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền tư pháp và quyền con người trong kỷ nguyên hội nhập.

Luật TTTPDS là một trong bốn luật được tách ra từ Luật Tương trợ tư pháp năm 2007. Trong quá trình tổng kết Luật Tương trợ tư pháp phần nội dung tương trợ tư pháp về dân sự, bên cạnh những bất cập chung của Luật Tương trợ tư pháp, quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự còn những hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển mới trong lĩnh vực này[1], đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết, tham gia nhiều điều ước quốc tế, hoạt động TTTP về dân sự cần tận dụng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin. Chính vì vậy, việc xây dựng Luật TTTPDS là yêu cầu cấp thiết, khách quan, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay trong tương trợ tư pháp về dân sự, đáp ứng yêu cầu của công tác này trong tình hình mới. Luật TTTPDS được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, kế thừa các quy định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự còn phù hợp của Luật Tương trợ tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành, bổ sung các nội dung mới, đáp ứng các yêu cầu phát triển của hội nhập quốc tế và yêu cầu, đặc thù riêng của hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự.

Luật TTTPDS quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam với nước ngoài và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong tương trợ tư pháp về dân sự. Luật áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam với nước ngoài. Với bố cục gồm 04 chương, 38 điều, Luật tập trung vào các nội dung trọng tâm như: Mở rộng phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự so với quy định hiện hành; quy định Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về dân sự; áp dụng pháp luật nước ngoài trong tương trợ tư pháp về dân sự; áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp về dân sự; quy định cụ thể về thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam và thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài; quy định về thành phần hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự; ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự; xã hội hóa hoạt động tống đạt giấy tờ của nước ngoài.

Luật TTTPDS không chỉ mang ý nghĩa chính trị pháp lý sâu sắc mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng, bảo vệ quyền tư pháp, quyền con người.

Hiện nay, toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế đang là xu hướng tất yếu của nền kinh tế thế giới đương đại, với sự lưu chuyển mạnh mẽ của hàng hóa, dịch vụ tài chính, các dòng tư bản quốc tế, bao gồm các khoản đầu tư trực tiếp ra nước ngoài giữa các quốc gia, khu vực trên thế giới. Hệ quả tất yếu của quá trình này là sự gia tăng mạnh mẽ về di cư của lực lượng lao động từ nước này đến nước khác cư trú, làm ăn, sinh sống, xác lập các quan hệ hôn nhân, gia đình. Về cơ bản, các quan hệ của cá nhân, doanh nghiệp nêu trên đều được xác lập, phát triển thuận lợi, làm nền tảng cho các nước thiết lập, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác trên phương diện quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh những tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội, thực tiễn phát sinh nhiều tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên tham gia quan hệ đó.

Để giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp đương sự ở nước ngoài, tài liệu chứng cứ ở nước ngoài thì Tòa án thường tiến hành hai hoạt động tố tụng quan trọng: tống đạt văn bản cho đương sự ở nước ngoài và thu thập chứng cứ ở nước ngoài. Tuy nhiên, trong các trường hợp này, Tòa án không thể tống đạt giấy tờ, thu thập chứng cứ ở nước ngoài như trong lãnh thổ quốc gia mình vì không phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế về quyền bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia bởi vì các hoạt động tư pháp là vấn đề thuộc về chủ quyền tư pháp của mỗi quốc gia.

Vì vậy, nếu không có sự hợp tác giữa các quốc gia liên quan thì vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài tại Tòa án quốc gia sẽ không có kết quả cuối cùng, theo đó, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài không thể tiến hành được tống đạt giấy tờ ra nước ngoài, thu thập chứng cứ ở nước ngoài... Từ đó, việc xét xử, giải quyết vụ việc sẽ không bảo đảm được nguyên tắc chỉ dựa vào chứng cứ hợp pháp, liên quan và theo quy định của pháp luật. Đương sự ở nước ngoài không có cơ hội và điều kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ vì không biết được vụ việc đang được Tòa án một nước khác giải quyết. Hậu quả là bản án, quyết định của Tòa án đó khó được Tòa án nơi đương sự ở nước ngoài cư trú hoặc có trụ sở công nhận và cho thi hành.

Tại Việt Nam, việc xét xử, giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động, vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế và cải cách tư pháp. Một mặt, việc xét xử các vụ việc này là nhằm chấm dứt các tranh chấp giữa các bên để bảo vệ kịp thời, đúng pháp luật quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Mặt khác, kết quả xét xử khách quan, toàn diện, đúng pháp luật của Tòa án sẽ tạo dựng niềm tin cho các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Qua đó, góp phần củng cố môi trường kinh doanh lành mạnh tại Việt Nam, thúc đẩy công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta ngày càng có hiệu quả, chất lượng. Mục đích cuối cùng của hoạt động hợp tác trên lĩnh vực này là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích của các bên tham gia tố tụng, không phân biệt công dân, cơ quan, tổ chức nước sở tại hay cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài.

Có thể nói, Luật TTTPDS ra đời đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực tương trợ tư pháp nói chung và tương trợ tư pháp về dân sự nói riêng, đã tạo hành lang pháp lý cho việc tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài đến Việt Nam ngày càng bài bản, chuyên nghiệp, chủ động và hiệu quả hơn đồng thời tạo cơ sở để mở rộng hợp tác với các quốc gia trên thế giới qua đó bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân và doanh nghiệp. Luật TTTPDS góp phần củng cố niềm tin của cá nhân, tổ chức vào hệ thống pháp luật, tạo dựng môi trường kinh doanh an toàn, ổn định và thúc đẩy công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước ngày càng vững chắc và hiệu quả hơn. Để Luật TTTPDS thực sự phát huy giá trị, việc tổ chức thi hành đồng bộ, từ xây dựng hệ thống thông tin điện tử đến đào tạo đội ngũ cán bộ có kỹ năng, ngoại ngữ là những nhiệm vụ trọng tâm cần được thực hiện quyết liệt trong thời gian tới.

---

1. Báo cáo số 413/BC-BTP ngày 15/12/2023 của Bộ Tư pháp tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp phần về dân sự.

# Xứng đáng làm người đại biểu của Nhân dân: Từ bản lĩnh chính trị đến hành động vì dân

■ **TRẦN CÔNG TRUNG**

Trong cơ cấu quyền lực của Nhà nước Việt Nam, đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp - người đại biểu của Nhân dân giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Họ là cầu nối giữa ý chí của cử tri với quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, để thực sự xứng đáng với sự tin tưởng ấy, người đại biểu không chỉ cần một tấm thẻ trên ngực áo mà cần một trái tim nóng, một cái đầu tỉnh táo và một bản lĩnh kiên cường. Chính vì vậy, người đại biểu phải hội tụ đầy đủ những vị thế, những phẩm chất để luôn phát huy được những ưu thế giúp nói lên ý chí, nguyện vọng của người dân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Làm người đại biểu của Nhân dân không phải là một "nghề" để mưu cầu danh lợi, cũng không phải là một hình thức trang trí cho bộ máy. Đó là một trách nhiệm chính trị nặng nề. Khi cử tri cầm lá phiếu bầu cho một cá nhân, họ đang trao đi quyền lực chính trị của mình với hy vọng rằng người đó sẽ thay mặt họ nói lên tiếng nói trung thực nhất. Sứ mệnh của người đại biểu được Nhân dân tin tưởng gói gọn trong ba hành động Nghe - Hiểu - Hành. Trong đó:

Nghe: là lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng, thậm chí là những bức xúc, oan khiên của người dân. "Nghe" không chỉ là một hành động vật lý thông thường mà là một sứ mệnh chính trị, là điểm khởi đầu cho mọi quyết sách đúng đắn. Nếu không lắng nghe, người đại biểu dễ rơi vào trạng thái "vô cảm" hoặc đưa ra những nghị quyết xa rời thực tế. Đại biểu không nghe như một công chức tiếp dân thuần túy. Họ cần nghe bằng sự chia sẻ, đặt mình vào hoàn cảnh của người dân... Đôi khi ý nguyện của dân không nằm trong những báo cáo trau chuốt mà nằm trong lời nói mộc mạc, thậm chí là gay gắt. Sứ mệnh của đại biểu là "gạn đục khơi trong", tìm ra bản chất vấn đề đằng sau những cảm xúc ấy.

Hiểu: là thấu hiểu những nút thắt trong chính sách, những khó khăn thực tế mà người dân đang gặp phải. Hiểu là để phân tích, chuyển hóa thông tin. Hiểu đúng bản chất để phân biệt giữa bức xúc cá nhân và vấn đề mang tính hệ thống. Cần soi chiếu ý kiến của dân dưới góc độ pháp luật và các quy định hiện hành. Hiểu được căn nguyên như: Tại sao chính sách này chưa đi vào cuộc sống? Do luật chưa sát thực tế hay do khâu thực thi của chính quyền địa phương có sai sót?... Thông qua đó, hiểu còn để đồng cảm, đặt mình vào vị trí của người dân (người lao động, người yếu thế) để cảm nhận sâu sắc những vướng mắc mà họ đang gặp phải.

Hành: là việc chuyển hóa những tâm tư đó thành các sáng kiến lập pháp, các chất vấn sắc sảo và các quyết sách đúng đắn. Hành là quyết liệt trong thực thi trách nhiệm, đây là giai đoạn tạo ra kết quả thực tế, giúp người dân củng cố niềm tin vào người đại biểu. Trong đó, hành động tại nghị trường là việc chuyển hóa những điều "Nghe - Hiểu" thành các ý kiến phát biểu chất lượng, những câu chất vấn sắc sảo nhằm đúng vào điểm nghẽn của chính sách. Tiếp đến là giám sát đến cùng, người đại biểu phải theo dõi quá trình giải quyết của các cơ quan chức năng đối với các kiến nghị mình đưa ra. Hành động không dừng lại ở việc gửi công văn kiến nghị mà chỉ kết thúc khi vấn đề của dân được giải quyết theo quy định. Đồng

thời, "Hành" cũng là việc vận động và lan tỏa, trực tiếp tham gia vào việc giải thích chính sách cho Nhân dân, giúp dân hiểu đúng luật để thực hiện đúng, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Để làm được những điều đó đòi hỏi người đại biểu của Nhân dân phải có đủ những phẩm chất cốt lõi, xứng đáng của người đại biểu. Những phẩm chất đó có thể khái quát thành ba yếu tố: Tâm – Tầm – Tài.

*Thứ nhất là cái Tâm,* đó là sự thể hiện bản lĩnh chính trị và sự liêm chính. Đây là "gốc" của người đại biểu. Trong môi trường còn tồn tại những cám dỗ và áp lực khác nhau, nếu không có một bản lĩnh vững vàng, người đại biểu rất dễ bị "tha hóa". Vì vậy, để xứng đáng làm người đại biểu nghĩa là phải đặt lợi ích của quốc gia, của cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân hay lợi ích cục bộ của cơ quan, tổ chức mình đang công tác. Sự liêm chính giúp họ có đủ dũng khí để nói không với tiêu cực và phản ánh thẳng thắn những vấn đề còn tồn tại.

*Thứ hai là cái Tầm,* đó là trí tuệ và tầm nhìn. Nhiệt huyết là điều cần thiết nhưng điều đó chưa đủ để xứng đáng người đại biểu của Nhân dân. Ngoài nhiệt huyết, người đại biểu cần có năng lực phân tích chính sách, am hiểu pháp luật và có tầm nhìn bao quát. Một quyết sách sai lầm tại nghị trường có thể ảnh hưởng đến đời sống của hàng triệu con người. Do đó, người đại biểu phải không ngừng học tập, cập nhật kiến thức để không trở thành những người chỉ biết giơ tay biểu quyết mà không hiểu rõ bản chất vấn đề.

*Thứ ba là cái Tài,* đó là kỹ năng và sự sâu sát. Trong đó, kỹ năng tranh luận, kỹ năng tiếp xúc cử tri và kỹ năng xử lý thông tin là những công cụ thiết yếu. Một đại biểu xứng đáng là người biết cách chắt lọc những vấn đề nóng bỏng từ thực tiễn để đưa vào chương trình nghị sự. Họ không chỉ xuất hiện vào những dịp lễ tết hay kỳ bầu cử, mà phải hiện diện trong đời sống của người dân, để "hơi thở" của cuộc sống thấm đẫm vào từng câu chữ trong các dự thảo luật.

Thực tế cho thấy, con đường để trở thành một đại biểu xứng đáng với Nhân dân không hề bằng phẳng. Có những rào cản vô hình và hữu hình đang đặt ra đối với họ: Đó là, áp lực từ công việc chuyên môn, nhiều đại biểu hoạt động kiêm nhiệm, dẫn đến tình trạng "thiếu thời gian" dành cho các hoạt động dân cử. Khi lợi ích của cơ quan hành pháp (nơi họ công tác) xung đột với lợi ích của cử tri, việc chọn bảo vệ lợi ích bên nào, người đại biểu phải có tâm, có tầm, nắm chắc pháp luật để xử lý tình huống một cách có tình, có lý, đảm bảo đúng pháp luật, là một thử thách đầy khó khăn. Mặt khác, đôi khi, việc phát biểu thẳng thắn, chất vấn gay gắt có thể dẫn đến những xung đột cá nhân. Nếu không có một cơ chế bảo vệ hữu hiệu, người đại biểu dễ rơi vào trạng thái "dĩ hòa vi quý". Bên cạnh đó, một trong những khó khăn của người đại biểu xuất phát từ sự thờ ơ của cử tri, nếu cử tri không quan tâm, không giám sát, người đại biểu dễ nảy sinh tâm lý chủ quan, lơ là trách nhiệm.

Để tiếng nói dân cử thực sự có trọng lượng, để xứng đáng hơn nữa với lòng tin và sự tín nhiệm của Nhân dân, mỗi đại biểu cần thực hiện tốt ba lời hứa khi tranh cử thông qua hành động cụ thể như: Chất vấn thẳng thắn, chất vấn không phải là để làm khó các thành viên Chính phủ, thành viên của UBND mà là để tìm ra giải pháp cho những vấn đề bế tắc; giám sát đến cùng, không chỉ dừng lại ở việc phát hiện sai phạm, người đại biểu phải theo đuổi đến cùng việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân, giám sát việc thực hiện các lời hứa của các bộ trưởng, trưởng ngành; trở thành tấm gương đạo đức, trước khi yêu cầu Nhân dân tuân thủ pháp luật, chính người đại biểu phải là tấm gương sáng về đạo đức, lối sống và tinh thần thượng tôn pháp luật.

Xứng đáng làm người đại biểu của Nhân dân không chỉ là một đích đến, mà là một hành trình bền bỉ. Đó là hành trình của sự tự soi, tự sửa, là cuộc đấu tranh nội tâm giữa cái tôi cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng. Trong thời đại kỷ nguyên số, khi thông tin minh bạch và sự giám sát của người dân ngày càng chặt chẽ, tiêu chuẩn đối với người đại biểu cũng ngày càng trở nên nghiêm ngặt hơn.

Cuối cùng, phần thưởng lớn nhất cho một người đại biểu không phải là những huân chương hay cấp bậc cao hơn, mà chính là niềm tin yêu của cử tri. Khi một người đại biểu có thể tự tin nhìn vào mắt cử tri và nói rằng: "Tôi đã làm tất cả những gì có thể vì quyền lợi của cử tri", đó chính là lúc họ thực sự xứng đáng với danh hiệu cao quý ấy.

# TẠO CHUYỂN BIẾN TỪ CƠ SỞ, LAN TỎA TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TỪ MỖI GIA ĐÌNH

■ **PHƯƠNG THIỆN**

**Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng, giá điện, xăng dầu có nhiều biến động, việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp giảm chi phí sinh hoạt mà còn góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Xác định rõ vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động Nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Hải Lăng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Năng lượng điện tử (Luật số 94/2025/QH15, ngày 27 tháng 6 năm 2025); Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của người dân, từng bước lan tỏa phong trào tiết kiệm năng lượng từ mỗi gia đình, khu dân cư.**

Thời gian qua, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Hải Lăng và các tổ chức chính trị - xã hội đã đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Nhân dân, triển khai nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phù hợp với từng đối tượng. Nội dung tuyên truyền được lồng ghép trong các cuộc họp khu dân cư, sinh hoạt chi hội, chi đoàn, các phong trào thi đua như: "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới", "Xây dựng gia đình văn hóa"… Đồng thời, ứng dụng hiệu quả các nền tảng số như Zalo, Facebook để tuyên truyền Luật Năng lượng điện tử; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045..., truyền thông điệp tiết kiệm điện, xăng dầu đến người dân một cách nhanh chóng, gần gũi, hướng dẫn các giải pháp cụ thể, dễ thực hiện, tiết kiệm điện, xăng dầu từ thói quen nhỏ trong gia đình như: tắt thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng đèn LED, hạn chế dùng điện vào giờ cao điểm, sử dụng điện an toàn, lựa chọn thiết bị tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng thiết bị công suất lớn vào giờ cao điểm, sắp xếp việc giặt giũ, nấu nướng hợp lý; bảo dưỡng phương tiện để giảm tiêu hao xăng dầu, nhớt, sắp xếp lộ trình di chuyển hợp lý, sắp xếp công việc khoa học, hạn chế đi lại nhiều lần, giữ tốc độ ổn định khi lái xe, tránh tăng ga, phanh gấp, tắt máy khi dừng đỗ lâu, giúp giảm 10-15% lượng nhiên liệu tiêu thụ, khuyến khích đi chung xe, sử dụng phương tiện công cộng... Chỉ cần thay đổi thói quen di chuyển, mỗi người có thể tiết kiệm đáng kể chi phí xăng dầu mỗi tháng. Nội dung sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả được lồng ghép phù hợp, dễ hiểu, dễ thực hiện. Qua đó, từng bước hình thành thói quen tiết kiệm trong sinh hoạt hằng ngày. Ban đầu, nhiều hội viên, đoàn viên, Nhân dân trong xã nghĩ tiết kiệm điện, xăng dầu là việc khó thực hiện. Nhưng khi được hướng dẫn cụ thể đã thay đổi rõ rệt. Những việc làm nhỏ nhưng mang lại hiệu quả thiết thực, giúp giảm chi phí sinh hoạt cho gia đình. Đây còn là hành động thiết thực góp phần ứng phó với biến động nguồn cung năng lượng và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia...

Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Hải Lăng và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền tác động đến hành động cụ thể người dân ở khu dân cư. Các Ban công tác Mặt trận thôn trực tiếp tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, gắn với xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Nhờ cách làm sát thực tiễn, phong trào tiết kiệm năng lượng tại xã Hải Lăng đã có những chuyển biến rõ nét. Nhiều người dân thực hiện tiết kiệm điện, xăng dầu trong sinh hoạt và sản xuất. Điểm đáng ghi nhận là sau thời gian tuyên truyền, nhiều khu dân cư đã chuyển từ "được vận động" sang "tự giác thực hiện". Tại thôn Thượng Xá, Ban công tác Mặt trận thôn đã đưa nội dung tiết kiệm năng lượng tuyên truyền thường xuyên trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Từ công tác tuyên truyền, vận động cho thấy hiệu quả thiết thực từ mỗi gia đình, người dân thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Bà Nguyễn Thị Vỹ Lê - Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Thượng Xá chia sẻ: "Ban đầu, việc vận động bà con còn khó, vì nghĩ tiết kiệm điện, xăng dầu là chuyện nhỏ. Nhưng khi được hướng dẫn cụ thể, thấy tiền điện giảm, chi phí sinh hoạt giảm, bà con hưởng ứng rất tích cực. Nhiều hộ còn nhắc nhở nhau cùng thực hiện". Từ cách làm này, phong trào dần lan rộng sang các thôn khác như thôn Phú Hưng, Long Hưng... tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng.

Ông Phan Hồng Sơn, người dân thôn Thượng Xá cho hay: "Trước đây dùng điện chưa để ý, giờ thì khác. Tắt điện khi ra khỏi phòng, dùng thiết bị hợp lý nên tiền điện giảm rõ. Đi lại cũng tính toán hơn nên đỡ tốn xăng. Việc nhỏ nhưng hiệu quả lớn".

Bà Phan Thị Hương người dân thôn Thượng Xá chia sẻ: "Trước đây, gia đình tôi chưa quan tâm nhiều đến việc tiết kiệm điện, xăng dầu. Sau khi được Mặt trận và các đoàn thể tuyên truyền, chúng tôi đã thay đổi thói quen sinh hoạt, sử dụng điện hợp lý hơn, đi lại cũng tính toán kỹ. Mỗi tháng tiết kiệm được một khoản chi phí đáng kể". Chị Phan Thị Hà Giang hội viên phụ nữ thôn Thượng Xá chia sẻ:

"Sau khi được Hội tuyên truyền, tôi đã thực hiện tiết kiệm điện, "vào bật ra tắt", hạn chế sử dụng thiết bị không cần thiết. Việc tiết kiệm này rất thiết thực, ai cũng có thể làm được".

Từ những thay đổi nhận thức, nhiều hộ gia đình đã chủ động điều chỉnh thói quen sinh hoạt, sử dụng năng lượng tiết kiệm, khoa học. Nhiều hộ gia đình giảm từ 05-15% lượng điện tiêu thụ mỗi tháng, tiết kiệm khoảng 50.000 - 100.000 đồng tiền điện/tháng. Việc tắt máy khi dừng xe lâu, lái xe đúng kỹ thuật giúp giảm 10-15% lượng xăng dầu tiêu thụ. Đặc biệt, việc sử dụng bếp tiết kiệm năng lượng như bếp đun năng lượng, bếp củi, bếp Bioga,... giúp giảm từ 30–50% nhiên liệu trong sinh hoạt. Những con số đó cho thấy, chỉ với những thay đổi nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày, mỗi gia đình không chỉ giảm chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng.

Bà Phan Thị Tuyết Nhung, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Hải Lăng chia sẻ: "Ủy ban MTTQ Việt Nam xã tập trung tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hướng dẫn đoàn viên, hội viên, Nhân dân thay đổi từ những thói quen nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày… Mặt trận đã phát huy vai trò nòng cốt huy động các tổ chức chính trị - xã hội cùng vào cuộc, lấy khu dân cư làm địa bàn trọng tâm, lấy hộ gia đình làm hạt nhân để lan tỏa, mỗi đoàn viên, hội viên, ban công tác Mặt trận trở thành một tuyên truyền viên tại gia đình và cộng đồng".

Phát huy những kết quả đạt được, thời gian tới, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Hải Lăng tiếp tục tuyên truyền Luật Năng lượng điện tử năm 2025; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng trực quan, dễ hiểu, tăng cường ứng dụng công nghệ số. Đẩy mạnh tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân từ những việc làm nhỏ tiết kiệm năng lượng trong mỗi gia đình, tạo phong trào, lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh năng lượng, hướng tới phát triển bền vững.

# Trang thơ

## Tháng 5 nhớ Bác

*Muôn ánh hào quang rực rỡ hồng*
*Bác Hồ sống mãi với non sông*
*Ơn Người vời vợi dãi núi sông*
*Tình Bác mênh mông tựa biển Đông*
*Đuốc sáng soi đường giành Độc Lập*
*Cờ hồng dẫn lối phá xiềng gông*
*Cháu con cung kính nguyền ghi nhớ*
*Di chúc thiêng liêng mãi tạc lòng*

**TRỊNH TRỌNG TÝ**

## Ơn Bác rạng niềm tin

*Mừng sinh nhật Bác đến rồi*
*Cháu vui cháu hát, cháu cười cháu reo*
*Bác ơi xưa lắm đói nghèo*
*Ngày nay ơn Bác hết nghèo, ấm no*
*Tổ quốc độc lập, tự do*
*Ơn Bác, ơn Đảng cho đời đẹp tươi*
*Kỷ nguyên mới rạng tiếng cười*
*Toàn dân ơn Bác rạng ngời niềm tin*

**LÊ HUẤN**

**Câu 1: Ông Dương Đặng Hoàng Nam (Phong Nha, Quảng Trị) hỏi: Hiện nay, các trường hợp được miễn phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 5 Thông tư số 28/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *(Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2026)*, các trường hợp được miễn phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam được quy định như sau:

1. Các trường hợp được miễn phí

a) Khách mời (kể cả vợ hoặc chồng, con) của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội hoặc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội mời với tư cách cá nhân;

b) Viên chức, nhân viên của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và thành viên của gia đình họ (vợ hoặc chồng và con dưới 18 tuổi), không phân biệt loại hộ chiếu, không phải là công dân Việt Nam và không thường trú tại Việt Nam được miễn phí trên cơ sở có đi có lại;

c) Trường hợp miễn phí theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia hoặc theo nguyên tắc có đi có lại;

d) Người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện công việc cứu trợ hoặc giúp đỡ nhân đạo cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam;

đ) Cấp thị thực, tạm trú để xuất cảnh cho người nước ngoài ở Việt Nam vi phạm pháp luật bị xử lý nhưng không có khả năng tài chính và cơ quan đại diện của nước có công dân vi phạm pháp luật không chịu kinh phí hoặc không có cơ quan đại diện của nước có công dân vi phạm pháp luật ở Việt Nam.

Việc xác định người nước ngoài ở Việt Nam vi phạm pháp luật bị xử lý thuộc diện miễn phí trong trường hợp này do tổ chức thu phí xem xét quyết định trong từng trường hợp cụ thể và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

e) Cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

g) Trường hợp vì lý do an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế hoặc cần tranh thủ nhưng không thuộc các trường hợp đã được quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Các trường hợp được miễn lệ phí cấp hộ chiếu

a) Người Việt Nam ở nước ngoài có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu;

b) Người Việt Nam ở nước ngoài phải về nước theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về việc nhận trở lại công dân nhưng không có hộ chiếu và những trường hợp vì lý do nhân đạo.

3. Thủ trưởng tổ chức thu phí quyết định việc áp dụng miễn phí đối với các trường hợp theo nguyên tắc có đi có lại quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

Tổ chức thu phí, lệ phí phải đóng dấu "Miễn thu phí" (trừ trường hợp cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt quy định tại điểm e khoản 1 Điều này), "Miễn thu lệ phí" (GRATIS) vào giấy tờ đã cấp đối với các trường hợp được miễn phí, lệ phí quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

**Câu 2: Ông Bùi Trung Kiên (Bố Trạch, Quảng Trị) hỏi: Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về việc miễn phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID?**

**Trả lời:**

Căn cứ Điều 2 Thông tư số 29/2026/TT-BCT ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID *(Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2026)* thì việc miễn phí, lệ phí được quy định cụ thể như sau:

1. Từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, miễn một số khoản phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID, bao gồm:

a) Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (gồm cả đơn tách, đơn chuyển đổi) và lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ

quy định tại điểm 1.1 khoản 1 và điểm 2.1 khoản 2 Mục A Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp;

b) Phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh, lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo, lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định tương ứng tại Số thứ tự I, III và IV Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

c) Lệ phí đăng ký cư trú quy định tại Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú.

2. Không áp dụng mức thu lệ phí sở hữu công nghiệp đối với nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (gồm cả đơn tách, đơn chuyển đổi) và cấp Văn bằng bảo hộ, lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo, lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định tương ứng tại Số thứ tự 14 và 18 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân khi thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

**Câu 3: Bà Cao Thị Thanh Đào (Tân Mỹ, Quảng Trị) hỏi: Hiện nay, việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 138/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về phát triển kỹ năng nghề *(Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 07/4/2026)* thì việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động được quy định như sau:

1. Việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo quy định tại Nghị định này phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia và tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đã được công bố;

b) Bảo đảm tính thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, gắn kết với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu học tập suốt đời của người lao động;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;

d) Có sự tham gia, đồng hành của người sử dụng lao động, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, hiệp hội nghề nghiệp và các bên liên quan;

đ) Công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và đánh giá kết quả.

2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động:

a) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; nâng bậc trình độ kỹ năng nghề quốc gia theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

b) Đào tạo, bồi dưỡng bổ sung các kỹ năng thiếu hụt cho người lao động đáp ứng nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường lao động.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về phương thức, hình thức và việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề tại khoản 1 và 2 Điều này.

**Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh**

## I. DÒNG CHẢY CHÍNH SÁCH

### Một số chính sách có hiệu lực từ tháng 5 năm 2026

**1. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm**

Ngày 17/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/5/2026.

Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm được quy định tại Điều 2 Nghị định 78/2026/NĐ-CP như sau:

1. Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm tra có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra, kiểm tra trong thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Trường hợp hết thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật mà chưa thể ra quyết định xử phạt, thì phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền để xử phạt.

2. Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Trường hợp hình thức, mức tiền phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt đang xử lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan, người có thẩm quyền để xử phạt.

4. Trường hợp người có thẩm quyền đang thi hành công vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại Điều 41 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

6. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh quy định tại Điều 41 Nghị định này cụ thể như sau:

a) Các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 40 Nghị định này;

b) Các chức danh thuộc lực lượng Công an nhân dân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 15, điểm d khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 40 Nghị định này;

c) Các chức danh thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Nghị định này.".

**2. Quyền và trách nhiệm của người lao động khi tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung**

Ngày 25/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2026/NĐ-CP về bảo hiểm hưu trí bổ sung, áp dụng kể từ ngày 10/5/2026. Theo Điều 8 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, quyền và trách nhiệm của người lao động khi tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được quy định cụ thể như sau:

1. Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có các quyền sau:

a) Tự nguyện tham gia, dừng hoặc tạm dừng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

b) Nhận chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Nghị định này.

c) Được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập được chi trả từ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; được trừ khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

d) Theo dõi và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

đ) Được cung cấp đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 27 Nghị định này. Hằng tháng được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc doanh nghiệp sử dụng lao động cung cấp thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung; được yêu cầu doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xác nhận thông tin về tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

e) Được bảo mật thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

g) Được duy trì hợp đồng bảo hiểm hưu trí bổ sung trong thời gian tối đa không quá 01 năm hoặc lựa chọn chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí khác sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc khi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định này.

h) Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật.

i) Được chỉ định người thừa kế theo thứ tự quy định của Bộ luật Dân sự tại văn bản thỏa thuận hoặc trong phiếu đăng ký tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung để hưởng chi trả từ quỹ hưu trí.

2. Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có trách nhiệm:

a) Tiếp cận đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí; hiểu rõ về chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các rủi ro có thể phát sinh khi tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; nắm rõ chính sách thuế đối với người sử dụng lao động và người lao động; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định tham gia của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung. Nhà nước không đảm bảo về kết quả đầu tư và mức chi trả của quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đăng ký tham gia.

c) Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

**3. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt**

Ngày 19/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/5/2026.

Điều 39 Nghị định 81/2026/NĐ-CP quy định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt bao gồm:

1. Các chức danh quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định của Nghị định này.

2. Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Thành viên đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuộc nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra.

4. Trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn được trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản vi phạm hành chính có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính xảy ra trên tàu.

**4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em**

Ngày 31/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.

Theo đó, Điều 3 Nghị định này quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em là 01 năm.

Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 98/2026/NĐ-CP sẽ có hiệu lực kể từ ngày 16/5/2026.

**5. Đối tượng, lộ trình thực hiện việc tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu**

Ngày 01/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2026/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2026.

Theo đó, đối tượng, lộ trình thực hiện tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu được quy định tại Điều 4 Nghị định 110/2026/NĐ-CP như sau:

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này để đưa ra thị trường Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

a) Trường hợp sản phẩm, bao bì có cùng nhãn hiệu được sản xuất tại nhiều nhà sản xuất khác nhau thì tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là đối tượng thực hiện trách nhiệm tái chế;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất là bên nhận gia công sản phẩm, bao bì cho bên đặt gia công thì bên đặt gia công là đối tượng thực hiện trách nhiệm tái chế;

c) Trường hợp ủy thác nhập khẩu sản phẩm, bao bì thì tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là đối tượng thực hiện trách nhiệm tái chế. Trường hợp bên nhận ủy thác chịu trách nhiệm về ghi nhãn hàng hóa thì sản phẩm, bao bì đưa ra thị trường là sản phẩm, bao bì chuyển giao cho bên ủy thác, doanh thu từ sản phẩm, bao bì đưa ra thị trường là tổng giá trị nhập khẩu và phí ủy thác;

d) Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm tái chế là công ty mẹ hoặc công ty có các chi nhánh hạch toán độc lập được ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự để thực hiện trách nhiệm tái chế cho công ty con hoặc chi nhánh hạch toán độc lập.

2. Bao bì quy định tại khoản 1 Điều này là bao bì thương phẩm (bao gồm cả loại bao bì trực tiếp và bao bì ngoài) theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của sản phẩm, hàng hóa sau đây:

a) Thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm (trừ kẹo cao su);

b) Mỹ phẩm theo quy định của Chính phủ về điều kiện sản xuất mỹ phẩm;

c) Thuốc theo quy định của pháp luật về dược;

d) Phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y theo quy định của pháp luật về phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y;

đ) Xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh dùng trong nông nghiệp, y tế và hoạt động sinh hoạt;

e) Xi măng.

3. Các đối tượng sau đây không phải thực hiện trách nhiệm tái chế:

a) Nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì để xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu, học tập, thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nhà sản xuất, nhập khẩu có tổng doanh thu từ các sản phẩm quy định tại khoản 2 Điều này dưới 30 tỷ đồng/năm;

c) Nhà sản xuất đã đưa ra thị trường bao bì nhưng bao bì đó được chính nhà sản xuất đó thu hồi, đóng gói để tiếp tục đưa ra thị trường với tỷ lệ thu hồi, đóng gói bằng hoặc cao hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc theo quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Nhà sản xuất, nhập khẩu phương tiện giao thông đường bộ có trách nhiệm tái chế đối với phương tiện giao thông đường bộ do mình sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

## II. TIÊU ĐIỂM CHÍNH SÁCH

### Hỏi – đáp về hoạt động Trợ giúp pháp lý

**Câu 1: Hiện nay, những đối tượng nào thuộc diện được trợ giúp pháp lý?**

Theo quy định tại Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024; Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024), người được trợ giúp pháp lý là những đối tượng sau đây:

1. Người có công với cách mạng.

2. Người thuộc hộ nghèo.

3. Trẻ em.

4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân.

6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.

6a. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;

b) Người nhiễm chất độc da cam;

c) Người cao tuổi;

d) Người khuyết tật;

đ) Đã bị bãi bỏ;

e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;

g) Đã bị bãi bỏ;

h) Người nhiễm HIV.

**Câu 2: Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về cách thức xác định chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa?**

Căn cứ quy định tại Điều 49 Pháp lệnh chi phí tố tụng số 05/2024/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 11/12/2024, cách thức xác định chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa được như sau:

1. Chi phí cho người bào chữa là luật sư do tổ chức hành nghề luật sư cử được xác định theo quy định của pháp luật về luật sư; chi phí cho người bào chữa là trợ giúp viên pháp lý, luật sư do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử được xác định theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Chi phí cho bào chữa viên nhân dân bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

a) Chi phí thù lao được quy định tại Danh mục một số chi phí tố tụng ban hành kèm theo Pháp lệnh này;

b) Chi phí đi lại;

c) Chi phí thuê phòng nghỉ;

d) Phụ cấp lưu trú;

đ) Chi phí khác.

**Câu 3: Người có công với cách mạng cần phải xuất trình những loại giấy tờ nào để chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý?**

Theo quy định tại Điều 33 Thông tư 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc

trợ giúp pháp lý), để chứng minh thuộc diện được trợ giúp pháp lý, người có công với cách mạng cần phải xuất trình những loại giấy tờ sau:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;

c) Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;

d) Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

đ) Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

e) Kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công đối với người có công giúp đỡ cách mạng, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng.

## III. ĐƯA PHÁP LUẬT VÀO CUỘC SỐNG

### TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC TỈNH TRIỂN KHAI LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 ra đời có hiệu lực từ 01/01/2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đây là một bước tiến lớn trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam theo hướng nhân văn, tiến bộ, phù hợp với các với các chuẩn mực quốc tế… Luật Tư pháp người chưa thành niên không chỉ để xử lý vi phạm, mà quan trọng hơn là bảo vệ, giáo dục và giúp các em trở thành người có ích cho xã hội.

Luật Tư pháp người chưa thành niên được xây dựng trên nguyên tắc lấy lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên làm trung tâm, bảo đảm mọi quyết định liên quan đến người chưa thành niên phải hướng đến sự phát triển toàn diện của các em. Luật cũng nhấn mạnh việc xử lý mang tính giáo dục, hỗ trợ thay vì trừng phạt, đặc biệt đối với những trường hợp vi phạm pháp luật. Trong bối cảnh đó, công tác trợ giúp pháp lý giữ vai trò then chốt, giúp người chưa thành niên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của mình, đồng thời được bảo vệ trước các nguy cơ xâm hại hoặc bị đối xử không công bằng trong quá trình tố tụng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng này, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh (Trung tâm) đã chủ động quán triệt triển khai Luật Tư pháp người chưa thành niên ngay từ khi luật có hiệu lực. Trung tâm đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cũng như các cơ quan liên quan… nhằm đề nghị áp dụng kịp thời những chính sách có lợi cho người chưa thành niên.

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Tư pháp người chưa thành niên đến cộng đồng, ngoài các buổi tuyên truyền pháp luật tại

*Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho người bị buộc tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi*

cơ sở, Trung tâm đã phối hợp với một số trường học để tuyên truyền cho giáo viên, học sinh về quy định của luật này. Qua đó, đã giúp nâng cao nhận thức của xã hội về quyền của người chưa thành niên.

Bên cạnh công tác tuyên truyền, Trung tâm còn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ trợ giúp viên pháp lý. Thường xuyên quán triệt và có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng làm việc với người chưa thành niên, kỹ năng tham gia tố tụng thân thiện, cũng như các kiến thức về tâm lý người chưa thành niên. Điều này giúp họ có thể tiếp cận, lắng nghe và hỗ trợ các em một cách hiệu quả hơn, tránh gây tổn thương tâm lý trong quá trình làm việc.

*Tuyên truyền pháp luật cho học sinh Trường THCS Lệ Ninh*

Trong 4 tháng đầu năm (từ tháng 01/2026 - 4/2026), Trung tâm đã thụ lý thực hiện 93 vụ việc/93 người chưa thành niên. Trong đó: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị buộc tội: 27 vụ việc/27 người; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại: 06 vụ việc/06 người; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác: 04 vụ việc/04 người. Số vụ việc cùng kỳ năm 2025 là 68 vụ việc, tăng 36,8%. Trong qúa trình tham gia tố tụng của các Trợ giúp viên pháp lý, trợ giúp viên pháp lý luôn đảm bảo quyền bào chữa, bảo vệ cho bị can, bị cáo là người chưa thành niên, đồng thời đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp, mang tính giáo dục. Nhờ đó, nhiều em đã có cơ hội sửa chữa sai lầm, tái hòa nhập cộng đồng để tiếp tục học tập, phát triển. Những nỗ lực này không chỉ góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, mà còn thể hiện rõ cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng một hệ thống tư pháp nhân văn, tiến bộ, lấy con người làm trung tâm.

Tuy nhiên, quá trình triển khai Luật Tư pháp người chưa thành niên vẫn còn gặp một số khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả áp dụng luật trong thực tiễn, như: Còn thiếu cơ chế phối hợp liên ngành, việc áp dụng chưa thống nhất giữa các địa phương; người làm công tác xã hội chưa được tập huấn để tiếp cận và hướng dẫn thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định... Để bảo đảm Luật Tư pháp người chưa thành niên được triển khai đồng bộ, hiệu quả, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, trong đó quy định cụ thể về tiêu chí, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý đối với người chưa thành niên, đặc biệt là các biện pháp thay thế xử lý hình sự.

- Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp liên ngành, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong quản lý, giáo dục và hỗ trợ người chưa thành niên vi phạm pháp luật.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp người chưa thành niên và bảo đảm nguồn lực thực hiện.

Luật Tư pháp người chưa thành niên ban hành đã góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, đồng thời xây dựng một nền tư pháp nhân văn, tiến bộ và bền vững. Trong thời gian tới, với sự quan tâm của các cấp chính quyền và sự chung tay của toàn xã hội, tin rằng công tác trợ giúp pháp lý cho người chưa thành niên tại Quảng Trị sẽ tiếp tục được nâng cao về chất lượng và hiệu quả, góp phần xây dựng một môi trường sống an toàn, lành mạnh.

**Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh**

**1. Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15**

Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15 gồm 8 chương, 41 Điều. Luật quy định về hoạt động bảo hiểm tiền gửi; quyền và nghĩa vụ của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi. Luật này áp dụng đối với người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi. Trong đó, tại Điều 21 quy định về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ một trong các thời điểm sau đây:

- Phương án phá sản tổ chức tín dụng được phê duyệt hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền;

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và tổ chức tín dụng đó có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi về việc trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Bảo hiểm tiền gửi (Trả tiền bảo hiểm để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự, an toàn xã hội).

Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2026.

**2. Ngày 05/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15**

Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 gồm 6 chương, 45 Điều. Luật quy định về người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp; trình tự, thủ tục giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp; chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp; quản lý nhà nước về giám định tư pháp; trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động giám định tư pháp. Luật áp dụng đối với người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, Hội đồng giám định tư pháp; người trưng cầu giám định tư pháp, người yêu cầu giám định tư pháp; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động giám định tư pháp. Trong đó, tại Điều 30 quy định về thời hạn giám định tư pháp như sau:

- Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

- Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này tối đa là 02 tháng; trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 03 tháng; trường hợp vụ việc giám định có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng. Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định, thời hạn giám định tối đa nêu tại khoản 2 Điều 30 để quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể.

- Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan làm cơ sở cho việc giám định thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp bổ sung trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc xác định được nội dung cần bổ sung. Người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có trách nhiệm bổ sung thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể

từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Thời gian từ khi người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị đến khi nhận được thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan bổ sung thì không tính vào thời hạn giám định.

- Trường hợp không thể hoàn thành đúng thời hạn giám định, chậm nhất là 24 giờ trước thời hạn trả kết luận giám định, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu giám định gia hạn. Người trưng cầu giám định quyết định việc gia hạn nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2026.

**3. Ngày 25/03/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2026/NĐ-CP về bảo hiểm hưu trí bổ sung**

Nghị định số 85/2026/NĐ-CP quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 127 Luật Bảo hiểm xã hội và không điều chỉnh các nội dung sau: Bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; hoạt động cung cấp sản phẩm bảo hiểm hưu trí của doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn; hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Trong đó, tại khoản 1 Điều 8 quy định người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có các quyền sau:

- Tự nguyện tham gia, dừng hoặc tạm dừng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

- Nhận chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

- Được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập được chi trả từ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; được trừ khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

- Theo dõi và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

- Được cung cấp đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP. Hằng tháng được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc doanh nghiệp sử dụng lao động cung cấp thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung; được yêu cầu doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xác nhận thông tin về tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Được bảo mật thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Được duy trì hợp đồng bảo hiểm hưu trí bổ sung trong thời gian tối đa không quá 01 năm hoặc lựa chọn chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí khác sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc khi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

- Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật.

- Được chỉ định người thừa kế theo thứ tự quy định của Bộ luật Dân sự tại văn bản thỏa thuận hoặc trong phiếu đăng ký tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung để hưởng chi trả từ quỹ hưu trí.

Nghị định số 85/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10/5/2026.

**4. Ngày 16/3/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2026/NĐ-CP quy định**

**chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý tài chính**

Nghị định số 75/2026/NĐ-CP quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước và không điều chỉnh đối với: Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ; các cơ quan nhà nước có nguồn kinh phí hoạt động theo các Nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của cấp có thẩm quyền (nếu có). Trong đó, tại Điều 7 quy định nội dung chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ gồm:

- Chi tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, chi tiền lương hợp đồng lao động, chi phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định hiện hành của Chính phủ về cơ chế tiền lương đối với cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Chi thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

- Các khoản chi bố trí trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo quy định: Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, tổng kết, công tác phí trong nước, chi cho các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam; chi phí thuê mướn, chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; chi mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn, định mức và các khoản chi khác bố trí trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo quy định.

- Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên hàng năm theo chức năng, nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phân bổ, giao dự toán thực hiện chế độ tự chủ theo quy định.

- Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 75/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2026.

**5. Ngày 01/4/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã**

Nghị định số 109/2026/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực sau đây: Bổ trợ tư pháp, bao gồm: luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, chứng thực, giám định tư pháp, đấu giá tài sản, trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; Hành chính tư pháp, bao gồm: hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi; phổ biến, giáo dục pháp luật; trợ giúp pháp lý; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự, bao gồm: thi hành án dân sự, thừa phát lại; phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong đó, tại Điều 62 quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

+ Đang có vợ hoặc đang có chồng mà kết hôn với người khác, chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà kết hôn với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ;

+ Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác;

+ Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ;

+ Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

+ Cản trở kết hôn, yêu sách của cải trong kết hôn hoặc cản trở ly hôn.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

+ Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ hoặc giữa những người có họ trong phạm vi ba đời;

+ Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi;

+ Cưỡng ép kết hôn hoặc lừa dối kết hôn; cưỡng ép ly hôn hoặc lừa dối ly hôn;

+ Lợi dụng việc kết hôn để xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, nhập quốc tịch Việt Nam, quốc tịch nước ngoài; hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước hoặc để đạt được mục đích khác mà không nhằm mục đích xây dựng gia đình;

+ Lợi dụng việc ly hôn để trốn tránh nghĩa vụ tài sản, vi phạm chính sách, pháp luật về dân số hoặc để đạt được mục đích khác mà không nhằm mục đích chấm dứt hôn nhân.

Nghị định số 109/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 18/5/2026.

**6. Ngày 06/4/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 133/2026/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực**

Nghị định số 133/2026/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực điện lực. Trong đó, tại Điều 13 quy định một số mức xử phạt đối với vi phạm các quy định về sử dụng điện như sau:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cản trở người có thẩm quyền kiểm tra việc sử dụng điện.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

+ Sử dụng phương tiện, thiết bị và hành vi khác làm hư hỏng, gây sự cố hệ thống điện của bên bán điện;

+ Sử dụng điện sai mục đích có mức giá cao hơn mức giá đã thoả thuận trong hợp đồng;

+ Không thông báo cho bên bán điện khi giảm số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ hoặc giảm định mức sử dụng điện sinh hoạt hoặc kê khai không đúng số người sử dụng điện để cấp định mức sử dụng điện sinh hoạt nhiều hơn thực tế.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi tự ý lắp đặt, đóng, cắt, sửa chữa, di chuyển, thay thế các thiết bị điện và công trình điện của bên bán điện.

- Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đóng điện dùng khi công trình sử dụng điện của bên mua điện chưa nghiệm thu; khi đang trong thời gian bị ngừng cấp điện do vi phạm quy định của pháp luật.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thiết bị (phương tiện) đo đếm điện không được

kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Phạt tiền đối với hành vi trộm cắp điện dưới mọi hình thức như sau:

+ Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trộm cắp điện với giá trị sản lượng điện trộm cắp dưới 1.000.000 đồng;

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trộm cắp điện với giá trị sản lượng điện trộm cắp từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với người cho thuê nhà thu tiền điện của người thuê nhà cao hơn quy định trong trường hợp mua điện theo giá bán lẻ điện để phục vụ mục đích sinh hoạt.

- Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm của khách hàng sử dụng điện lớn sau đây:

+ Sử dụng trang thiết bị sử dụng điện, trang thiết bị đấu nối không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để đấu nối vào lưới điện quốc gia;

+ Không thực hiện các lệnh thao tác của cấp điều độ có quyền điều khiển;

+ Không thực hiện cắt điện, giảm mức tiêu thụ điện khi có yêu cầu của bên bán điện do sự cố bất khả kháng;

+ Không thực hiện đầu tư các thiết bị đo đếm điện, hệ thống thu thập và quản lý số liệu đo đếm điện theo quy định, trừ trường hợp có thỏa thuận khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Nghị định số 133/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 25/5/2026.

**7. Ngày 30/3/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế**

Nghị định số 90/2026/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định tại Nghị định này là những hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm: Vi phạm các quy định về y tế dự phòng và phòng, chống HIV/AIDS; vi phạm các quy định về khám bệnh, chữa bệnh; vi phạm các quy định về dược, mỹ phẩm; vi phạm các quy định về thiết bị y tế; vi phạm các quy định về bảo hiểm y tế; vi phạm các quy định về dân số. Trong đó, tại Điều 26 quy định như sau:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chứa chấp người khác sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng tại địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình, trừ trường hợp người chứa chấp là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người vi phạm.

Nghị định số 90/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2026.

**8. Ngày 16/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới**

Theo đó, tại Điều 5 Nghị định số 76/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 125/2021/NĐ-CP như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Cản trở hoặc không cho thành viên trong

gia đình thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì lý do giới tính;

+ Đối xử bất bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính;

+ Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên trong gia đình thuộc một giới nhất định.

- Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi dùng vũ lực nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.".

Nghị định số 76/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2026.

**9. Ngày 31/3/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm**

Theo đó, tại Điều 1 Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT sửa đổi khoản 1 của Điều 2 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT về giải thích từ ngữ như sau: Dạy thêm, học thêm là hoạt động dạy học phụ thêm ngoài thời lượng quy định trong kế hoạch giáo dục đối với các môn học, hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) trong Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, thể thao; tăng cường năng lực ngoại ngữ, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống và các nội dung giáo dục khác theo quy định nhằm giáo dục toàn diện, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh mà không thuộc nội dung chương trình các môn học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này và được thực hiện theo các quy định khác của pháp luật.

Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2026.

**10. Ngày 15/4/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam**

Theo mục I Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam ban hành kèm Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT quy định: Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR và một số khung trình độ của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam gồm: Tiền bậc 1 và 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp). Cụ thể như sau:

| KNLNNVN | | CEFR |
|---|---|---|
| Sơ cấp | Tiền Bậc 1 | Pre A1 |
| | Bậc 1 | A1 |
| | Bậc 2 | A2 |
| Trung cấp | Bậc 3 | B1 |
| | Bậc 4 | B2 |
| Cao cấp | Bậc 5 | C1 |
| | Bậc 6 | C2 |

Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐTcó hiệu lực thi hành từ ngày 31/5/2026.

**Phòng PBGDPL&TDTHPL**

**Hội nghị Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh Kỳ I năm 2026**

Thực hiện Kế hoạch số 09/KH-HĐPH ngày 22/01/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải cơ sở; trợ giúp pháp lý; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026, ngày 13/5/2026, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tỉnh đã tổ chức Hội nghị Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh Kỳ I năm 2026. Đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh chủ trì hội nghị. Tham dự hội nghị có các đồng chí Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh cùng đại diện các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Tại hội nghị, các đại biểu đã được nghe đại tá Nguyễn Bá Duyệt, Phó Chỉ huy trưởng, Tham mưu trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quán triệt Thông tư 19/2026/TT-BQP ngày 10/3/2026 của Bộ Quốc phòng về ban hành Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng và Bộ Tư lệnh các Quân khu trong chỉ huy, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, biên phòng và xây dựng lực lượng Bộ đội biên phòng; Quyết định số 946/QĐ-BQP ngày 03/3/2026 của Bộ Quốc phòng quy định về chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của lực lượng biên phòng; đồng chí Trần Hà Đồng Hải, Phó Trưởng phòng An ninh mạng và PCTP sử dụng công nghệ cao phổ biến Luật An ninh mạng năm 2025; đồng chí Hồ Cẩm Ly, Trưởng phòng Tài chính hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính truyền đạt nội dung của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. Đây là những văn bản pháp luật quan trọng, có tác động trực tiếp đến công tác quản lý điều hành kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia trên không gian mạng và kiện toàn tổ chức bộ máy biên phòng trong tình hình mới.

Phát biểu chỉ đạo và kết luận hội nghị, đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh đánh giá cao tinh thần làm việc nghiêm túc của các đại biểu. Về định hướng công tác tuyên truyền trong thời gian tới, đồng chí đề nghị các cơ quan, đơn vị và báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt ngay nội dung Luật Ngân sách nhà nước và Luật An ninh mạng năm 2025 và Thông tư 19/2026/TT-BQP ngày 10/3/2026, Quyết định số 946/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Cần đặc biệt chú trọng việc cụ thể hóa các quy định của luật sao cho phù hợp với từng đối tượng, giúp người dân dễ hiểu, dễ nhớ và tự giác chấp hành; tập trung phổ biến các luật vừa được thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI và các quy định pháp luật có hiệu lực từ tháng 5/2026 như Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật Giám định tư pháp. Đặc biệt, công tác PBGDPL cần gắn liền với việc tuyên truyền Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các ngày lễ kỷ niệm lớn trong tháng như ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5). Đồng chí đề nghị các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh chú trọng đổi mới hình thức, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, đưa pháp luật thực sự đi vào

cuộc sống. Đồng thời, đề nghị báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh thực hiện nghiêm túc trách nhiệm và nghĩa vụ của báo cáo viên pháp luật theo quy định; xác định đây là đội ngũ nòng cốt của tỉnh trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống nhằm xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

**Tọa đàm đề xuất những nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 tại tỉnh Quảng Trị**

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2026 của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 3710/QĐ-BTP ngày 26/12/2025 của Bộ Tư pháp, ngày 23/4/2026 Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước - Bộ Tư pháp phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức Tọa đàm đề xuất những nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 tại tỉnh Quảng Trị. Tham dự có lãnh đạo Cục Bồi thường nhà nước, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh và các sở, ngành, Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Luật Sư, Hội Luật gia và một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ông Nguyễn Ngọc Vũ, Phó Cục trưởng Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước và ông Trần Hữu Dân, Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị đồng chủ trì buổi tọa đàm.

Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN) năm 2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018 là một bước hoàn thiện thể chế về bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân nói chung cũng như về bảo đảm quyền được Nhà nước bồi thường do người thi hành công vụ gây ra nói riêng. Luật TNBTCNN năm 2017 được ban hành có ý nghĩa quan trọng khẳng định chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý khả thi để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Việc ban hành luật là một bước hoàn thiện về mặt thể chế điều chỉnh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và tiếp tục cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân; đồng thời, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước đối với việc củng cố, hoàn thiện hoạt động của bộ máy nhà nước, nền công vụ cũng như trách nhiệm của Nhà nước trước công dân.

Để triển khai thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hàng năm, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các Chương trình, Kế hoạch để làm cơ sở cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các địa phương trên địa bàn ban hành kế hoạch thực hiện công tác bồi thường của Nhà nước và triển khai thực hiện có hiệu quả và thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

Thực tiễn thi hành cho thấy, Luật TNBTCNN năm 2017 đã từng bước đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Tại Tọa đàm, các đại biểu tập trung thảo luận, đánh giá những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thi hành, đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm hay trong tổ chức triển khai thi hành Luật tại cơ quan, địa phương mình. Các đại biểu đề xuất các nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung trong Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi

hành để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, trong đó tập trung vào các quy định về: phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; thiệt hại được bồi thường; trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường; kinh phí bồi thường, cơ quan giải quyết bồi thường; trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ và quản lý nhà nước về công tác bồi thường...

**ĐOÀN HÒA**

**Xã Nam Cửa Việt tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Dân chủ ở cơ sở; kỹ năng hòa giải ở cơ sở; kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật**

Ngày 29/5/2026, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Nam Cửa Việt đã diễn ra Hội nghị tập huấn, tuyên truyền Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Dân chủ ở cơ sở; kỹ năng hòa giải ở cơ sở; kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật. Đây là hoạt động trọng tâm nhằm thực hiện Kế hoạch số 1038/KH-UBND của UBND xã Nam Cửa Việt về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Hội nghị có sự tham gia của 100 đại biểu, bao gồm đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức đoàn thể và Nhân dân trên địa bàn xã gồm các tuyên truyền viên pháp luật xã, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, Chi hội trưởng các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã được nghe đồng chí Nguyễn Thị Hồng Luyến, Trưởng Phòng PBGDPL&TDTHPL, Sở Tư pháp phổ biến các quy định trọng tâm của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; trong đó, đi sâu vào phổ biến chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã, phương thức hoạt động của bộ máy chính quyền hai cấp; đồng thời, phổ biến nội dung trọng tâm, điểm mới của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, những nội dung quyền thụ hưởng của công dân, những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai, những nội dung Nhân dân bàn và quyết định, những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, nội dung kiểm tra, giám sát, cơ chế công khai, minh bạch và trách nhiệm tiếp thu, phản hồi ý kiến cộng đồng.

Bên cạnh đó, các đại biểu còn được tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở với các nội dung thiết thực như: kỹ năng phân tích mâu thuẫn, các bước tiến hành hòa giải, phương pháp thuyết phục và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế; kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các Tổ hòa giải và tuyên truyền viên, góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông pháp luật trong Nhân dân do đồng chí Nguyễn Nhật Vũ, Phó trưởng Phòng PBGDPL&TDTHPL, Sở Tư pháp thực hiện.

Thông qua Hội nghị, các học viên không chỉ được bổ sung, cập nhật kiến thức pháp lý về thực hiện dân chủ ở cơ sở và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp mà còn được trang bị kỹ năng hòa giải và kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp với đặc thù địa phương. Những kiến thức và kỹ năng này góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư, củng cố đoàn kết, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng phường Nam Cửa Việt ngày càng vững mạnh.

**Phòng PBGDPL&TDTHPL**

## Chuyện vui

Chết mà vẫn cười

Ba xác chết có bộ mặt mỉm cười được đặt tại Trung tâm điều tra hình sự ở Arkansas (Mỹ). Ông quản lý đang trả lời thám tử về nguyên nhân của những cái chết.

- Đây là Celtus. Ông ta chết ngay sau khi biết tin mình trúng xổ số 20 triệu USD.

- Ông ta bước đến xác thứ hai: Đây là Bo. Ông ta chết khi nghe tin toà án cho ly dị vợ mà không phải chia gia sản.

- Đến cái xác thứ ba: Đây là Tom. Ông ta chết vì bị sét đánh.

- Hai người trước thì có thể hiểu được nụ cười, còn ông này cười gì? Thám tử hỏi.

- Ồ, ông ta cứ ngỡ mình đang được chụp hình!

## Không phải giả

Thanh tra:

- Bằng của ông là bằng giả!

Sếp đáp:

- Xin thưa, các ông nhầm ! Tôi không bao giờ mua nhầm của giả đâu.

## Như bị giật điện

Có một tai nạn vì điện, tại hiện trường, thanh tra cảnh sát hỏi ông chồng:

- Ông nói là nghe thấy tiếng bà nhà kêu thét lên, tại sao ông không chạy vào bếp để cứu?

- Mọi khi vẫn thế, bà ấy có làm sao đâu!

- Ông muốn nói rằng, vợ ông vẫn thường xuyên bị điện giật?

- À không, bà ấy vẫn thường xuyên thét lên như vậy.

## Lợi và hại

Một anh chàng kể chuyện với đồng nghiệp:

- Tớ đã ly dị xong và thấy hóa ra mình làm thế có những băn khoăn nhưng cũng đỡ lo về tài chính cậu ạ.

- Nghe lạ quá, thế đỡ lo về tài chính chỗ nào?

- Tòa buộc mỗi tháng tớ phải trả 60.000 đồng tiền cấp dưỡng cho cô vợ cũ. Nhưng từ khi mỗi người một ngả thì mỗi tháng tiền điện thoại nhà tớ giảm được 80.000 đồng.

## Không nói dối sếp

Sếp gằn giọng nói với nhân viên:

- Hôm qua, anh xin nghỉ làm để đi gặp bác sĩ, thế mà sau đó tôi thấy anh ở sân vận động. Sao anh lại nói dối?

Anh nhân viên nhanh miệng bào chữa:

- Tôi không nói dối đâu, thưa sếp. Bác Sĩ của tôi chơi ở cánh trái trong trận đó.

## Tăng việc để không than

John là chủ một doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. Dù thành đạt nhưng ông nổi tiếng khó tính và keo kiệt.

Một hôm, một người bạn nói với ông:

"Này anh bạn, tôi nghe nói dạo này nhân viên của anh không có thời gian để thở nữa, ai cũng than phiền đấy".

John thở dài:

Vậy ư? Có lẽ tôi cần điều chỉnh lại một chút!.

Nghe vậy người bạn ủng hộ:

Đúng vậy! Sai thì cần phải sửa chứ!

John gật gù:

Vâng, tôi cần phải điều chỉnh lại lượng công việc vì họ vẫn còn thời gian để than phiền.

**Phòng PBGDPL&TDTHPL (sưu tầm)**